2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

MỤC LỤC

2 • THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH CÔNG TY

4 • THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

11 • HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

16 • HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

18 • CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

27 • TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

41 • BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

44 • BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

1 THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH CÔNG TY

Thưa Quý vị,

Năm 2023 đã đối mặt với vô vàn thách thức khi nền kinh tế của nhiều quốc gia trên toàn cầu vẫn chưa hoàn toàn phục hồi, dẫn đến mức tăng trưởng thấp. Tuy không đạt được mục tiêu 6,0 – 6,5% mà Chính phủ đã đề ra, tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn ổn định ở mức 5,05%. Mặc dù bắt đầu chậm chạp vào đầu năm, tăng trưởng đã tăng tốc qua từng quý và đạt 6,72% trong Quý 4. Lạm phát cũng duy trì ở mức tăng 3,25% so với cùng kỳ, thấp hơn mục tiêu 4,5% của Chính phủ. Nói cách khác, kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong năm 2023 đã đạt được sự ổn định, với lạm phát được kiểm soát và các điều kiện kinh tế và xã hội có dấu hiệu phục hồi.

Các đại biểu UBCKNN Việt Nam tại văn phòng Tập đoàn Chứng khoán Aizawa tại Nhật Bản tháng 5/2023

Trong năm 2023, Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (JSI) ghi nhận doanh thu đạt 37 tỷ đồng, giảm khoảng 2.95% so với năm trước. Chi phí trong kỳ đạt mức gần 30 tỷ đồng, tăng khoảng 10% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính của việc tăng chi phí là do chuyển văn phòng vào tháng 7.

Kết quả là, lãi ròng trong năm 2023 giảm khoảng 34% so với năm trước, đạt khoảng 7.2 tỷ đồng.

Việc chuyển địa điểm văn phòng đã trở thành một sự kiện quan trọng của JSI trong năm vừa qua. Sau 5 năm hoạt động tại tòa nhà TNR, công ty đã quyết định chuyển đến tòa nhà Capital Place. Trong suốt quá trình này, tất cả các phòng/ban/bộ phận của chúng tôi đã hợp tác chặt chẽ với nhà thầu kiến trúc xây dựng để văn phòng mới được thiết kế theo hướng tối ưu hóa hiệu suất công việc của mỗi nhân viên, từ đó toàn công ty cũng đạt được kết quả tốt nhất.

Nhân sự JSI cùng các thực tập sinh từ Tập đoàn Chứng khoán Aizawa tại văn phòng mới Capital Place

Ngoài ra, JSI vẫn tiếp tục tham gia Chương Trình Phát Triển Nghề Nghiệp mà Tập đoàn Chứng khoán Aizawa đã và đang triển khai từ các năm trước. Công ty đã chào đón 8 thực tập sinh ngắn hạn vào tháng 4 và 3 thực tập sinh dài hạn vào tháng 9. Với tư cách là một thành viên của Tập đoàn, chúng tôi cam kết tiếp tục đạt được thành công trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam và nâng cao vị thế của Chứng Khoán Nhật Bản.

Nhân dịp này, tôi xin gửi lời chúc mạnh khỏe, bình an và thịnh vượng tới Quý vị và gia đình. Một lần nữa, tôi xin khẳng định lời cam kết của JSI sẽ không ngừng phát triển và tiến lên phía trước.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ mà Quý vị đã dành cho Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản.

TSUYOSHI IMAI
Chủ tịch công ty kiêm Tổng giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

2 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

2.1 THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

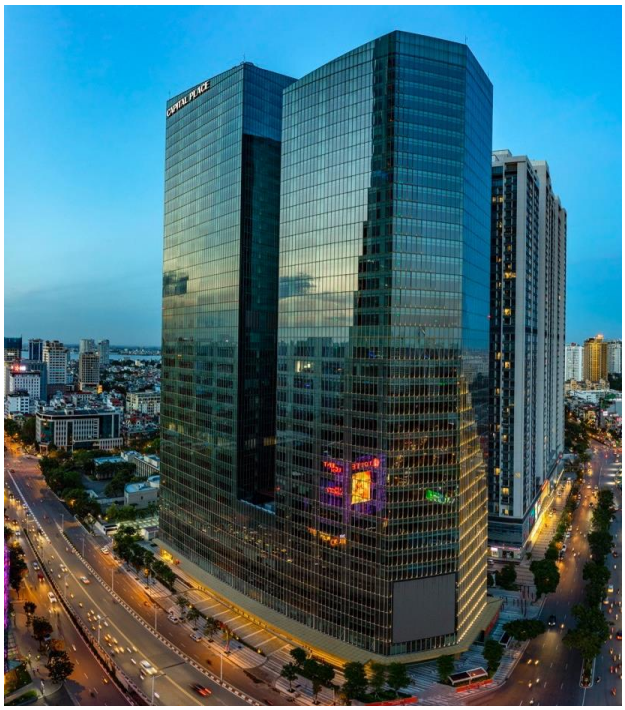

CÔNG TY TNHH
CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

- Tên tiếng Anh: JAPAN SECURITIES CO., LTD.
- Tên viết tắt: JSI
- Thành lập ngày 16/01/2009
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 129/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 10/08/2021
- Số điện thoại: +84.24.3791 1818
- Website: https://www.japan-sec.vn/
- Email: info@japan-sec.vn
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ Việt Nam đồng./.)
- Vốn chủ sở hữu: 334,607,403,092 VND (Ba trăm ba mươi tư tỷ, sáu trăm linh bảy triệu, bốn trăm linh ba nghìn, không trăm chín hai Việt Nam đồng./.)
- Địa chỉ: Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2.2 THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU

TẬP ĐOÀN CHỨNG KHOÁN AIZAWA

- Tên tiếng Anh: AIZAWA SECURITIES GROUP CO., LTD.
- Tên tiếng Nhật: アイザワ証券グループ株式会社
- Thành lập ngày 03/10/1933
- Giấy phép số 0100-01-036574 cấp ngày 01/10/2021 tại Nhật Bản
- Số điện thoại: +81.3.6852 7744
- Website: https://www.aizawa-group.jp
- Vốn điều lệ: 8,000,000,000 JPY (Tám tỷ Yên Nhật./.)
- Cổ phiếu được niêm yết trên Thị trường Chủ chốt (Prime Market) - Sở giao dịch chứng khoán Tokyo
- Địa chỉ: Tokyo Shiodome Building, 1-9-1 Higashi Shimbashi, Minato-ku, Tokyo, 105-7307 Japan.
- Các công ty thành viên:
  (1) Aizawa Securities Co., Ltd. – Công ty Chứng khoán Aizawa
  (2) Aizawa Investments Co., Ltd. – Công ty Đầu tư Aizawa
  (3) Aizawa Asset Management Co., Ltd. – Công ty Quản lý tài sản Aizawa
  (4) Life Design Partners Co., Ltd. – Công ty Life Design Partners
  (5) Japan Securities Co., Ltd. – Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (trụ sở tại Việt Nam)

2.3 LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

16/01/2009

- Thành lập CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOA ANH ĐÀO
- 51% cổ đông Việt Nam, 49% cổ đông Nhật Bản
- Vốn điều lệ: 41 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tòa nhà Viglacera Exim, Số 2 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

2010 - 2018

- Đổi tên gọi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Giữ nguyên cơ cấu cổ đông
- Vốn điều lệ tăng lên 100 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tòa nhà TNR, Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

2018 - nay

- Đổi tên gọi CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Trở thành công ty con 100% thuộc Tập đoàn Chứng khoán Aizawa
- Vốn điều lệ tăng lên 300 tỷ đồng
- Địa chỉ: Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Hà Nội

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (JSI) được thành lập dưới tên gọi Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào vào tháng 1/2009 với vốn điều lệ ban đầu là 41 tỷ đồng. Trong đó, 51% cổ phần do Viglacera và các cổ đông phía Việt Nam nắm giữ, 49% thuộc về các doanh nghiệp Nhật Bản.

Tháng 3/2010, công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản. Hoạt động kinh doanh chính là môi giới cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở GDCK Hà Nội (HNX).

Năm 2018, Công ty Chứng khoán Aizawa tại Nhật Bản mua lại 95% cổ phần của JSI và trở thành cổ đông lớn. Đáp ứng nhu cầu mở rộng, JSI tăng vốn điều lệ lên đến 100 tỷ đồng, triển khai nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, phát triển các dịch vụ mới như giao dịch DMA (Direct Market Access), dịch vụ phân tích, nghiên cứu thị trường thông qua nền tảng Bloomberg, mở rộng các dịch vụ chứng khoán tổng thể cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân cả ở Việt Nam và nước ngoài.

Năm 2021, Công ty Chứng khoán Aizawa tái cơ cấu thành tập đoàn tài chính với tên gọi Tập đoàn Chứng khoán Aizawa. JSI trở thành công ty con thuộc 100% sở hữu của Tập đoàn, nâng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Hiện nay, JSI là công ty chứng khoán của Nhật Bản duy nhất được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp phép hoạt động tại Việt Nam. JSI đã và đang hướng tới trở thành cầu nối kết nối thị trường vốn đang phát triển của Việt Nam tới các nhà đầu tư không chỉ ở Nhật Bản mà còn trên toàn thế giới.

2.4 TẦM NHÌN

TRIẾT LÝ CỐT LÕI

Hành động vì lợi ích cao nhất của xã hội, của khách hàng cũng như của toàn thể nhân viên

Việc tuân thủ Triết lý cốt lõi giúp JSI không chỉ đảm bảo lợi ích cho khách hàng, cho người lao động, cho chủ sở hữu công ty, mà còn góp phần vào sự ổn định kinh tế của xã hội và đất nước.

- Đối với **khách hàng**: JSI cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính hấp dẫn đáp ứng từng nhu cầu và mục tiêu đầu tư của khách hàng, cùng với đó, chúng tôi quản lý tài sản với sự hỗ trợ của các giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến, an toàn, nhằm tối đa hóa sự hài lòng của khách hàng.

- Đối với **nhân viên**: JSI mang đến cho nhân viên một môi trường làm việc an toàn và chuyên nghiệp, cung cấp các cơ hội để trau dồi kỹ năng và kiến thức cần thiết cho kế hoạch sự nghiệp của nhân sự.

- Đối với **xã hội**: Là một tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam, JSI mong muốn đóng góp vào sự phát triển minh bạch và lành mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi và tiện ích để nhiều nhà đầu tư có thể tiếp cận thị trường chứng khoán hơn.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành một trong những định chế tài chính đáng tin cậy nhất kết nối thị trường vốn Việt Nam tới toàn cầu

Bằng cách tập trung vào dịch vụ chuyên nghiệp, đáng tin cậy, hệ thống công nghệ hiện đại, bảo mật, an toàn, cùng các chuyên gia có bề dày kinh nghiệm đến từ các nước phát triển trên thế giới, JSI định hướng phát triển nền tảng cung cấp các giải pháp uy tín và hiệu quả, mở rộng kết nối thị trường vốn Việt Nam với cộng đồng tài chính trên toàn cầu.

- Về **dịch vụ**: JSI luôn nỗ lực đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách hàng thông qua các thông tin và sản phẩm giá trị gia tăng chất lượng cao. Công ty cung cấp nền tảng giao dịch mới nhất và được hệ thống hóa, giảm thiểu khoảng cách vật lý xuống mức tối thiểu (hệ thống cơ sở dữ liệu của JSI nằm trong Trung tâm dữ liệu dự phòng của Sàn HOSE), hướng đến khả năng và tốc độ khớp lệnh cạnh tranh cho tất cả khách hàng.

- Về **công nghệ**: JSI chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho việc kết nối hệ thống giao dịch mới sắp được triển khai của HOSE (KRX) nhằm đảm bảo sự thuận tiện và khả năng tiếp cận cao nhất cho nhà đầu tư.

- Về **quản trị**: Là một thành viên của Tập đoàn Chứng khoán Aizawa, JSI hướng tới thiết lập cơ chế quản trị doanh nghiệp phù hợp với tiêu chuẩn toàn cầu, tiếp tục hoàn thiện các văn bản, quy định, quy trình, chính sách nội bộ nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế tối đa rủi ro trong vận hành.

2.5 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Mở tài khoản giao dịch chứng khoán
- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư
- Lưu ký chứng khoán
- Phân phối chứng chỉ quỹ

DỊCH VỤ PHÂN TÍCH

- Báo cáo cập nhật
- Báo cáo lần đầu
- Sắp xếp gặp gỡ doanh nghiệp
- Phân tích theo yêu cầu từ khách hàng tổ chức
- Cổng thông tin phân tích trên Bloomberg

TỰ DOANH

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Chứng khoán phái sinh

Với sự kết hợp giữa hệ thống công nghệ tiên tiến và chính sách chăm sóc khách hàng tận tâm, JSI cam kết mang đến sản phẩm uy tín và hiệu quả cho mọi khách hàng. Đặc biệt, chúng tôi đặt trọng điểm phát triển vào hai phân khúc khách hàng chiến lược:

- Trên **thị trường quốc tế** như Nhật Bản và các nước Châu Á khác, JSI tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ và cung cấp dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng cũng như kết nối thị trường vốn Việt Nam.

- Đối với **thị trường nội địa** như Hà Nội và các tỉnh lân cận, JSI đẩy mạnh chiến lược phát triển thông qua việc hiểu rõ thói quen và nhu cầu của khách hàng để mang lại giá trị gia tăng cho họ.

Chúng tôi tin rằng sự đa dạng trong hoạt động kinh doanh sẽ giúp công ty phát triển bền vững và mang lại giá trị lợi ích lớn cho cả hai phân khúc này.

3

HOẠT ĐỘNG
QUẢN TRỊ RỦI RO

Với định hướng phát triển an toàn, ổn định và bền vững, JSI đặc biệt chú trọng đến hoạt động Quản Trị Rủi Ro (QTRR). Chúng tôi nhận thức rằng, QTRR không chỉ là công cụ quan trọng mà còn là nền tảng cơ bản trong quản trị và phát triển doanh nghiệp.

Hoạt động QTRR của JSI không chỉ bao gồm các công cụ để xác định, phân tích và ngăn chặn các rủi ro có thể xảy ra đối với mọi vấn đề của công ty mà còn tập trung vào đào tạo để xây dựng văn hóa tổ chức - nơi mà mỗi cá nhân đều nhận thức được sự quan trọng của QTRR khi đưa ra bất kỳ quyết định hoặc thực hiện bất kỳ hành động nào, từ đó thấu hiểu và đồng lòng thực hiện các biện pháp phòng tránh rủi ro cho tất cả các hoạt động của công ty.

Hoạt động QTRR của JSI được triển khai dựa trên chính sách QTRR do Chủ tịch Công ty phê duyệt hàng năm. Chính sách này là cam kết đối với việc duy trì và nâng cao tiêu chuẩn quản trị cao nhất từ phía Chủ sở hữu và Ban lãnh đạo công ty. JSI luôn cố gắng thúc đẩy mỗi cá nhân trong công ty tham gia tích cực vào mọi hoạt động QTRR, từ việc nhận diện đến đánh giá và xử lý các rủi ro một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

3.1 CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách QTRR được xây dựng dựa trên sự kết hợp của nhiều yếu tố quan trọng để tạo nên một hệ thống quản trị toàn diện và hiệu quả. Chính sách cũng liên tục được cải tiến và điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của công ty, những thay đổi của môi trường kinh doanh và yêu cầu của thị trường.

3.1.1 CĂN CỨ XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH QTRR

- **Chiến lược hoạt động**: Chính sách Quản trị Rủi ro của JSI dựa trên chiến lược tổng thể của công ty, đảm bảo rằng việc quản lý rủi ro phản ánh và tương thích với mục tiêu và hướng đi chiến lược của công ty.

- **Chất lượng hoạt động kiểm soát nội bộ và QTRR**: JSI đặt sự chú trọng vào việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm soát nội bộ, từ đó tăng cường khả năng nhận diện và quản lý rủi ro một cách hiệu quả.

- **Các công cụ tài chính chịu rủi ro**: Chính sách QTRR của JSI xem xét và đánh giá các công cụ tài chính mà công ty sử dụng, đảm bảo rằng các rủi ro liên quan được đánh giá và quản lý một cách toàn diện.

- **Khả năng chấp nhận rủi ro**: JSI đánh giá và xác định khả năng chấp nhận rủi ro của công ty, bằng cách đảm bảo rằng các rủi ro đang được quản lý không vượt quá mức rủi ro có thể chấp nhận được.

- **Việc tuân thủ và vận dụng quy định pháp lý trong QTRR**: Chính sách này đảm bảo rằng JSI tuân thủ tất cả các quy định pháp lý liên quan đến quản trị rủi ro và sử dụng chúng một cách hiệu quả nhất.

3.1.2 NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Nội dung của Chính sách QTRR bao gồm các khía cạnh sau:

- **Xác định các loại rủi ro**: Đầu tiên, chính sách sẽ liệt kê và phân tích các loại rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Đánh giá khả năng chấp nhận rủi ro**: Chính sách sẽ xác định mức độ khả năng của công ty trong việc chấp nhận các loại rủi ro khác nhau, dựa trên nguồn lực và mục tiêu chiến lược đã được Chủ sở hữu xây dựng.

- **Thiết lập hạn mức cho từng loại rủi ro**: Các hạn mức sẽ được đề xuất và áp dụng cho mỗi loại rủi ro, giới hạn tối đa mà công ty có thể chấp nhận.

- **Đánh giá và quản lý các công cụ tài chính chịu rủi ro**: Chính sách sẽ tập trung vào việc đánh giá và quản lý các công cụ tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận.

- **Phương pháp xác định và đo lường rủi ro**: Chính sách sẽ mô tả các phương pháp và công cụ sử dụng để xác định và đo lường rủi ro.

- **Nguyên tắc và biện pháp xử lý rủi ro**: Các nguyên tắc và biện pháp sẽ được thiết lập để xử lý các rủi ro khi chúng xảy ra, bao gồm cả việc xây dựng kế hoạch phòng tránh và phục hồi.

- **Phương án tổ chức QTRR:** Cuối cùng, chính sách sẽ đề xuất cách tổ chức bộ máy QTRR trong công ty, bao gồm việc phân chia trách nhiệm, báo cáo và giám sát cho từng phòng/ban/bộ phận.

3.2 HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Dựa trên nguyên tắc của chính sách QTRR và phản ánh những diễn biến trong thực tế, JSI triển khai các hoạt động liên quan đến QTRR theo quy trình cụ thể được mô tả dưới đây. Công ty cũng tập trung vào việc cụ thể hóa quy trình xử lý rủi ro, bởi đây là bước quan trọng nhất trong quá trình này.

3.1.3 QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Hoạt động QTRR được tiến hành theo 05 bước:

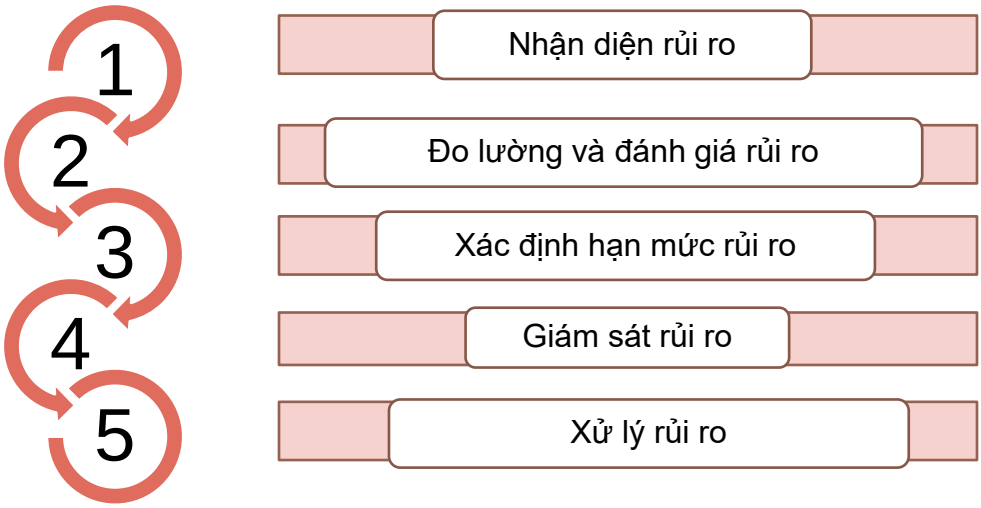

Trong quy trình này, việc nhận diện rủi ro đóng vai trò là bước đầu tiên và được JSI đánh giá quan trọng nhất, bởi nó giúp công ty nhận biết và hiểu rõ về các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình vận hành, từ đó chuẩn bị các phương án phòng ngừa, đối phó và xử lý một cách phù hợp và đạt được hiệu quả tối ưu.

Với đặc thù của ngành chứng khoán và thực tế hoạt động của công ty, JSI xác định có có các loại rủi ro mà công ty có thể/phải đối mặt:

3.1.4 QUY TRÌNH XỬ LÝ

Đối với mỗi loại rủi ro, JSI đã xây dựng các phương án dự phòng và/hoặc xử lý tương ứng. Việc thực hiện Xử lý rủi ro (Bước 5 trong Quy trình QTRR) không chỉ giúp JSI hạn chế, giảm thiểu và/hoặc ngăn chặn các rủi ro trong tương lai, đảm bảo hoạt động liên tục và ổn định của công ty, mà còn giúp JSI tối ưu hóa hệ thống quy trình làm việc, cải thiện chính sách hoạt động, nâng cao quản trị doanh nghiệp và tăng cường niềm tin từ phía khách hàng và đối tác.

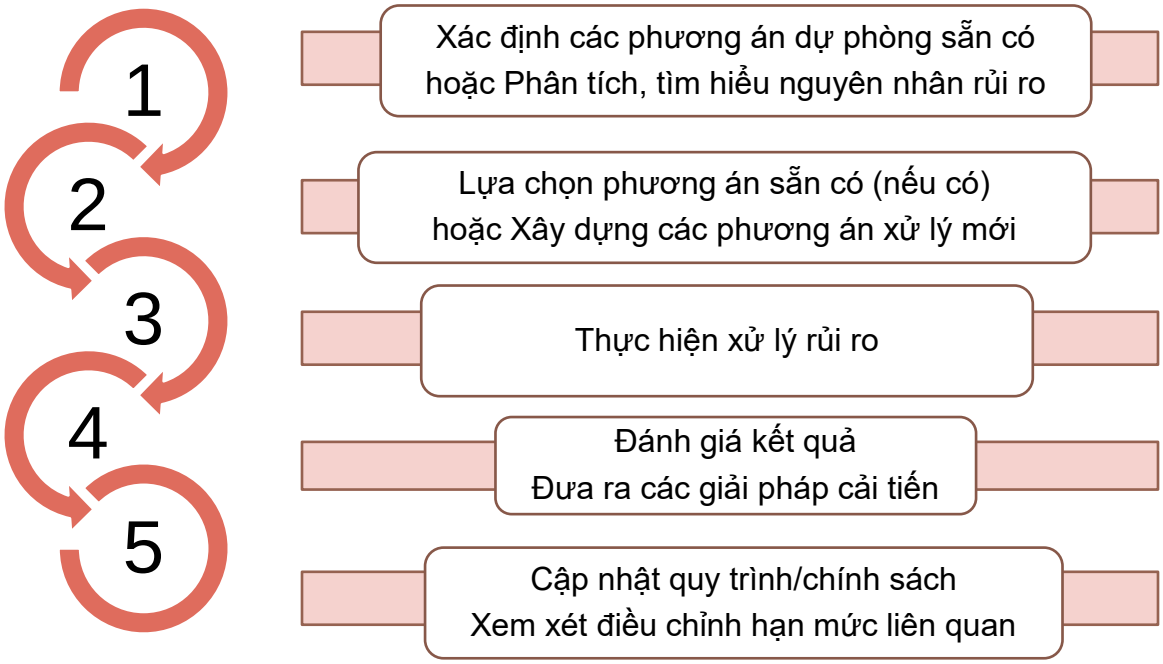

4

HỆ THỐNG
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2023, JSI thực sự đối mặt với nhiều thách thức trong việc vận hành hệ thống công nghệ thông tin. Bên ngoài, các biến động của thị trường chứng khoán và kế hoạch của Cơ quan quản lý về việc thay đổi core KRX tạo ra những áp lực lớn. Trong khi đó, công ty cũng thực hiện kế hoạch di chuyển văn phòng. JSI đã không ngừng nỗ lực để đảm bảo sự ổn định của hệ thống và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Bằng cách tận dụng các nguồn lực và kinh nghiệm, công ty đã tiến hành các biện pháp điều chỉnh, tối ưu hóa quy trình và tăng cường giải pháp kỹ thuật để đối phó với những thách thức đó.

- Trong suốt năm vừa qua, JSI đã **tiến hành một loạt các biện pháp nâng cấp** để củng cố hệ thống công nghệ thông tin của mình. Công ty thực hiện việc nâng cấp các phần mềm giám sát và tăng cường các quy trình xử lý sự cố, nhằm giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng phát hiện và xử lý lỗi trong quá trình vận hành. Sự cải thiện này không chỉ giúp JSI duy trì tính ổn định của hệ thống mà còn cung cấp khả năng xử lý sự cố hiệu quả hơn, đảm bảo sự tin cậy và an tâm cho khách hàng.

- Ngoài ra, JSI đã **tập trung vào việc giám sát** một cách chặt chẽ hệ thống phần cứng và mạng máy chủ (server network), cùng việc gia hạn giấy phép cho hệ thống Firewall tại Trung tâm dữ liệu dự phòng của HOSE. Những biện pháp này không chỉ tăng cường bảo mật mà còn đảm bảo hoạt động ổn định cho các giao dịch.

- Để triển khai kết nối hệ thống KRX mới, JSI **bám sát các kế hoạch kiểm thử** (eUAT, FAT) được yêu cầu bởi HOSE, HNX và VSDC. Bằng việc thực hiện các kế hoạch này một cách chặt chẽ, JSI đã thiết lập cài đặt và cập nhật môi trường hạ tầng cũng như nâng cấp hệ thống core giao dịch chứng khoán để đảm bảo rằng quá trình kết nối kiểm thử với hệ thống KRX diễn ra một cách suôn sẻ, đúng theo kế hoạch mà cơ quan quản lý đã đề xuất. Kết quả của các đợt kiểm thử đã chứng

minh sự thành công của JSI trong việc đáp ứng các yêu cầu từ các Sở GDCK và VSDC. Bên cạnh đó, JSI cũng đã tiến hành cập nhật quy trình vận hành, điều chỉnh phù hợp với hệ thống mới. Điều này giúp JSI duy trì được sự linh hoạt và hiệu suất cao trong việc xử lý các giao dịch và hoạt động hàng ngày, đồng thời nâng cao trải nghiệm của khách hàng và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng cao.

Hướng tới năm 2024, JSI kế hoạch tập trung ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng sau:

- **Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin**: Các phần mềm giám sát hệ thống công nghệ thông tin được tiến hành nâng cấp, đồng thời các quy trình vận hành cũng tiếp tục cập nhật để đảm bảo tính phù hợp và sẵn sàng kết nối với hệ thống KRX theo kế hoạch của Cơ quan quản lý. Mục tiêu là tăng hiệu suất hệ thống, thắt chặt kiểm soát an ninh và bảo mật, cũng như tự động hóa quy trình vận hành.

- **Nghiên cứu và áp dụng Chuyển đổi số**: Các công việc liên quan đến Chuyển đổi số được tiếp tục nghiên cứu và tập trung áp dụng vào các lĩnh vực như quản lý văn phòng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin. Mục tiêu là giảm thời gian xử lý công việc mà vẫn đảm bảo hiệu quả và tính chính xác.

- **Tăng cường hỗ trợ khách hàng thông qua các giải pháp công nghệ thông tin**: Các phương án giải pháp sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông được tìm hiểu và đề xuất để tăng cường khả năng hỗ trợ đa dạng các nhóm khách hàng giao dịch chứng khoán, từ cá nhân đến tổ chức, và cả các khách hàng mới tìm hiểu về thị trường chứng khoán.

- **Phát triển nguồn nhân lực số**: Nguồn nhân lực số được tiếp tục xây dựng và phát triển, tạo ra các chức năng cần thiết cho hệ thống giao dịch chứng khoán, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển sản phẩm và dịch vụ một cách nhanh chóng hơn. Mục tiêu là phục vụ tốt hơn cho các yêu cầu kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động nói chung của công ty.

5 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

5.1 CƠ CẤU TỔ CHỨC

JSI lựa chọn mô hình quản trị theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, quản lý và hoạt động được thực hiện theo Điểm a Khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp 2019 bao gồm Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc. Công ty không có Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ.

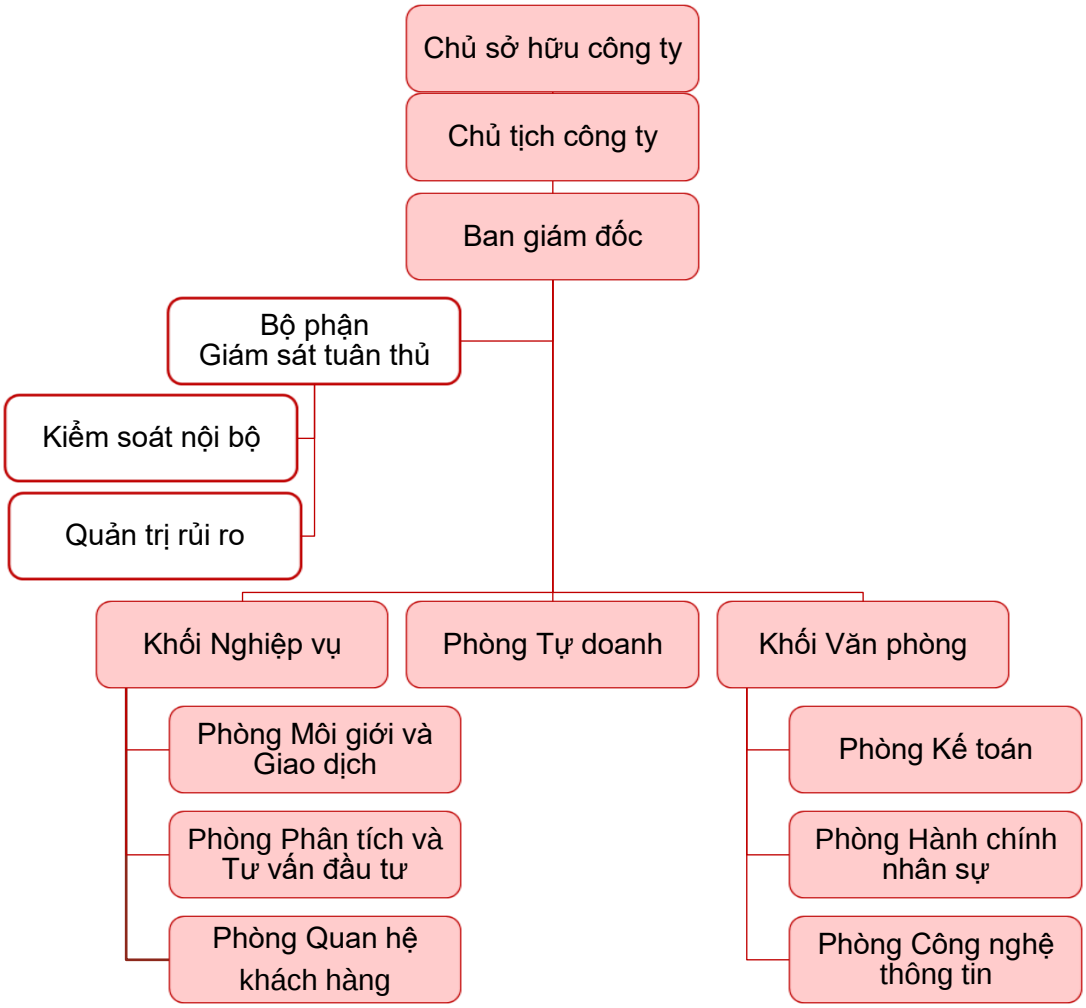

JSI thực hiện "mô hình quản trị phẳng" nơi mỗi nhân viên đều có khả năng tiếp cận các lãnh đạo, cũng như chỉ đạo từ cấp có thẩm quyền có thể được truyền đạt trực tiếp đến từng nhân viên. Mục tiêu và hướng đi của công ty được thống nhất đến từng nhân sự, tạo điều kiện cho sự đồng lòng và đồng thuận trong quản trị và hoạt động kinh doanh.

Hiện tại, mô hình quản trị này đã được chứng minh là hoạt động hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế của JSI. Mặc dù công ty chưa có kế hoạch thay đổi trong tương lai gần, nhưng JSI luôn sẵn sàng tiếp tục đánh giá và điều chỉnh mô hình quản trị để đảm bảo sự linh hoạt và hiệu quả trong quản lý kinh doanh tại mỗi thời kỳ, phù hợp với định hướng của Chủ sở hữu cũng như Ban lãnh đạo công ty.

5.2 CƠ CẤU NHÂN SỰ

JSI đã đầu tư vào một đội ngũ nhân sự đa dạng, chất lượng cao, có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, và đa quốc tịch. Tính đến ngày 31/12/2023, tổng số nhân sự tại JSI là 24 người. Trong đó:

Nhân sự JSI	88% nhân sự trẻ dưới 40 tuổi
	62% lao động nữ
	17% quốc tịch Nhật
	83% có chứng chỉ hành nghề chứng khoán
	71% sử dụng ngoại ngữ thành thạo
	56% nhân sự làm việc trên 5 năm tại công ty

- Với tỷ lệ lớn là **88% nguồn nhân sự trẻ (dưới 40 tuổi)**, JSI luôn duy trì động lực và sự linh hoạt trong hoạt động kinh doanh. Tính đa dạng và năng động của nhóm nhân sự trẻ này giúp JSI có khả năng đáp ứng nhanh chóng với tốc độ thay đổi của thị trường chứng khoán. Bằng cách tích hợp sự sáng tạo và năng lượng từ nguồn nhân

sự trẻ, JSI không chỉ có thể nắm bắt những cơ hội mà còn tạo ra sự đổi mới trong các hoạt động của mình.

- Với **tỷ lệ nữ trong toàn công ty chiếm 62%**, JSI thể hiện cam kết và sự coi trọng đối với bình đẳng giới trong môi trường làm việc. Công ty không chỉ tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển và thăng tiến trong sự nghiệp mà còn thể hiện sự tôn trọng và sự đa dạng trong quản lý nhân sự. Bằng việc tạo ra một môi trường công bằng và cơ hội công việc bình đẳng, JSI khẳng định vai trò quan trọng của phụ nữ trong sự phát triển và thành công của công ty.

- JSI là một môi trường làm việc đa văn hóa và đa quốc gia với **83% là nhân sự người Việt Nam và 17% là nhân sự người Nhật Bản**. Sự đa dạng văn hóa này không chỉ làm giàu màu sắc và tính đa chiều của môi trường làm việc mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác và giao tiếp trên một diễn đàn quốc tế. Đồng thời, việc có sự đa dạng văn hóa cũng giúp JSI hưởng lợi từ sự khác biệt trong góc nhìn và kinh nghiệm, từ đó thúc đẩy sự bao quát và linh hoạt trong các hoạt động kinh doanh và quản lý của công ty.

- Trong tổng số nhân sự, có **83% đã đạt được chứng chỉ hành nghề chứng khoán**. Mọi vị trí trong công ty đều được bố trí nhân sự phù hợp hoặc cao hơn so với các yêu cầu tối thiểu về nghiệp vụ và nhiệm vụ do Pháp luật ngành Chứng khoán quy định. JSI luôn chú trọng vào việc đào tạo và phát triển năng lực chuyên môn cho nhân viên, đồng thời đảm bảo sự chuyên nghiệp và uy tín trong mọi hoạt động giao dịch chứng khoán của công ty. Việc có đội ngũ nhân sự có trình độ chứng chỉ cao không chỉ giúp JSI thực hiện các nhiệm vụ giao dịch một cách hiệu quả và an toàn mà còn tạo ra sự tin cậy và đánh giá tích cực từ phía khách hàng và đối tác. Đồng thời, những nhân viên này cũng là nguồn lực quan trọng trong việc giúp JSI tiếp tục duy trì và phát triển vị thế của mình trong ngành.

- **71% nhân sự tại JSI có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh (Toeic trên 700 điểm), 38% thành thạo cả tiếng Anh và tiếng Nhật (trình độ tiếng Nhật ở mức N3 trở lên)**. Điều này giúp tạo ra môi trường làm việc quốc tế và đa văn hóa tại công ty, tăng khả năng giao tiếp và hợp tác, tăng cường mối quan hệ với khách hàng và đối tác quốc tế, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và hiệu quả của công ty trên thị trường.

- **56% nhân sự JSI đã làm việc tại công ty trong khoảng thời gian trên 5 năm**. Sự ổn định và cam kết này không chỉ là minh chứng cho sự hài lòng và sự tin tưởng của nhân viên đối với môi trường làm việc tại JSI mà còn là yếu tố đảm bảo cho phát triển bền vững của công ty. Sự ổn định trong lực lượng lao động cũng mang lại lợi ích lớn cho JSI trong việc duy trì chất lượng dịch vụ, xây dựng mối quan hệ lâu dài với khách hàng và đối tác.

Tổng chi phí đầu tư vào nguồn nhân lực cũng như chi phí đầu người tại JSI đã trải qua một quá trình tăng trưởng liên tục qua các năm. Trong năm 2023, xu hướng tăng này tiếp tục được thể hiện với mức tăng 13% so với năm 2022, đạt mức 9.8 tỷ đồng. JSI cam kết đảm bảo sự phát triển và trải nghiệm tốt nhất cho nguồn nhân lực của mình.

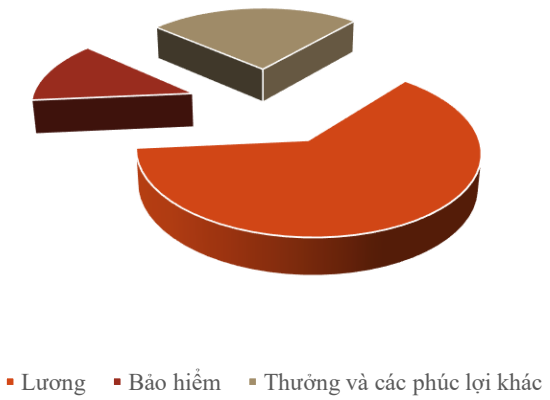

Trung bình, mỗi nhân viên tại JSI được chi trả hơn 400 triệu đồng cho các chi phí tối thiểu liên quan đến lao động, chưa bao gồm chi phí đào tạo nâng cao nghiệp vụ. Trong tổng số chi phí này, lương chiếm tỷ lệ lớn là 62%, trong khi các khoản thưởng, bảo hiểm và các phúc lợi khác chiếm phần còn lại là 38%. JSI đảm bảo mức lương và các phúc lợi cạnh tranh cho nhân viên, đồng thời cũng thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật Việt Nam, đảm bảo giữ chân nhân tài, từ đó tạo ra một môi trường làm việc tích cực và động viên sự phát triển cá nhân của mỗi cá nhân trong tổ chức.

5.3 CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

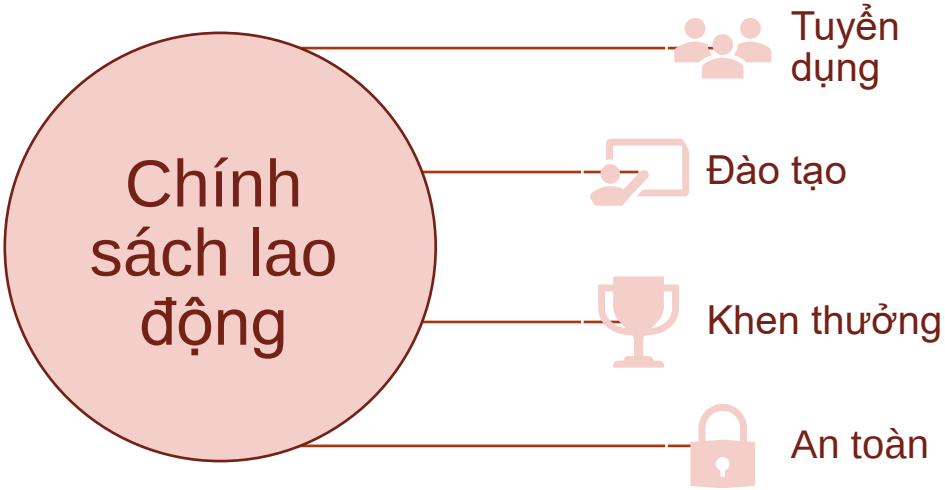

5.3.1 CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG

Với mục tiêu xây dựng một đội ngũ nhân lực chất lượng cao, công tác tuyển dụng đóng vai trò quan trọng và là bước đầu tiên cần được chú ý tại JSI. Để đáp ứng yêu cầu đa dạng và thực tế của từng vị trí, chính sách tuyển dụng của công ty được thiết kế một cách linh hoạt và hiệu quả. JSI không ngừng cải thiện và điều chỉnh chính sách này để đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế và đa dạng của từng vị trí công việc.

Công ty áp dụng nhiều hình thức tuyển dụng đa dạng, bao gồm cả trực tuyến và truyền thống, tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của vị trí và yêu cầu công việc. Việc này giúp JSI tiếp cận được ứng viên phù hợp nhất với yêu cầu công việc và tạo ra một môi trường cạnh tranh lành mạnh cho việc tuyển dụng và giữ chân tài năng tại công ty. Bằng cách này, công ty có thể đáp ứng mọi nhu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng biến động.

5.3.2 CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

JSI cung cấp một môi trường học tập tích cực và đa dạng, với trung bình 40 giờ đào tạo cho mỗi nhân viên trong năm 2023. Chương trình đào tạo của công ty có các nội dung phong phú, bao gồm cả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức về thị trường chứng khoán và ngoại ngữ, thiết kế cho cả nhân sự Việt Nam và quốc tế. Công ty đảm bảo chương trình đào tạo luôn đáp ứng đúng nhu cầu thực tế và xu hướng mới trong ngành.

Công ty thúc đẩy việc học tập suốt đời bằng cách tạo ra những chính sách hỗ trợ công bằng cho tất cả nhân viên, việc khuyến khích và tạo điều kiện cho mỗi nhân viên tham gia vào các chương trình đào tạo và tập huấn. JSI cam kết đầu tư vào sự phát triển cá nhân của mỗi cá nhân và đảm bảo rằng mọi nhân viên đều có cơ hội tiến bộ và đóng góp vào sự thành công của công ty.

JSI đã xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chi tiết, được tinh chỉnh cho từng cấp bậc nhân sự và phù hợp với mỗi giai đoạn trong quá trình phát triển sự nghiệp của họ. Mục tiêu của chương trình này là:

(1) **Xây dựng kiến thức cơ bản:** Đảm bảo từng nhân viên hiểu biết về ngành chứng khoán và về JSI, từ những khía cạnh cơ bản đến những chi tiết cụ thể về hoạt động và mục tiêu của công ty.

(2) **Phát triển kỹ năng:** Cung cấp các khóa đào tạo tùy chỉnh để phát triển các kỹ năng cần thiết và đáp ứng yêu cầu công việc cũng như lộ trình phát triển cá nhân của từng nhân viên, giúp mỗi nhân sự đáp ứng được sự phức tạp và yêu cầu ngày càng cao của môi trường ngành chứng khoán.

(3) **Xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh:** Phát triển đội ngũ kế cận, xây dựng nền tảng vững chắc giúp JSI phát triển bền vững trong thời gian dài. Chương trình đào tạo tập trung vào việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm để xây dựng một cộng đồng nhân viên đồng lòng và đồng thuận.

(4) **Tăng cường hiệu quả hoạt động:** Xây dựng một môi trường làm việc gắn kết và hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua sự tận tâm và chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự.

5.3.3 CÁC NỘI DUNG KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

JSI tập trung vào việc tìm kiếm và giữ chân nhân tài thông qua việc cung cấp **chế độ khen thưởng và phúc lợi hấp dẫn**. Công ty cam kết đảm bảo thu nhập bình quân của nhân viên liên tục tăng trưởng qua các năm. Công ty cam kết đánh giá và đền đáp công bằng cho sự đóng góp và thành tựu của tất cả nhân sự, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để họ có thể học hỏi, phát triển và tiến bộ trong sự nghiệp. Chúng tôi tin rằng việc đầu tư vào nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo sự thành công và bền vững của công ty.

JSI cũng xây dựng **các chính sách phụ cấp để khuyến khích sự phát triển** không ngừng của nhân viên. Các phụ cấp cho ngoại ngữ như tiếng Anh và tiếng Nhật, phụ cấp

cho chứng chỉ hành nghề và phụ cấp thâm niên vẫn được thực hiện với mức độ hấp dẫn, tạo ra động lực và động viên nhân viên, tạo điều kiện cho họ phát triển và tiến bộ trong sự nghiệp của mình. Những chính sách này không chỉ giúp tăng cường sự hài lòng và cam kết của nhân viên mà còn góp phần nâng cao chất lượng và hiệu suất làm việc của đội ngũ nhân sự.

Chính sách khen thưởng, phúc lợi, đãi ngộ được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Hệ thống đánh giá năng lực nhân sự KPI được áp dụng và hoàn thiện theo tình hình thực tiễn công việc. Năng lực và sự cống hiến của nhân sự đối với công ty được đánh giá thường niên một cách cụ thể và minh bạch.

JSI cam kết tuân thủ mọi quy định pháp luật liên quan đến các **chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**. Công ty coi trọng việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người lao động và luôn đặt lợi ích của họ lên hàng đầu. Các chính sách bảo hiểm của công ty không chỉ mang lại sự an tâm cho nhân viên mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho họ trong việc tiếp cận dịch vụ y tế và các quyền lợi xã hội khác. JSI luôn đảm bảo rằng mọi nhân viên đều được hưởng đầy đủ các quyền lợi và tiện ích mà luật pháp quy định.

JSI thường xuyên tổ chức các **hoạt động gắn kết** như du lịch, sự kiện nội bộ và các hoạt động từ thiện để tạo ra một môi trường làm việc tích cực và đoàn kết. Những sự kiện này không chỉ mang lại cơ hội cho nhân viên kết nối và giao lưu mà còn giúp thúc đẩy tinh thần đồng đội và sự hòa nhập trong công ty. Việc xây dựng một tổ chức mạnh mẽ và hỗ trợ là chìa khóa để đạt được sự thành công và phát triển bền vững trong kinh doanh.

5.3.4 CÁC NỘI DUNG AN TOÀN LAO ĐỘNG

Trong năm 2023, JSI tiếp tục hợp tác với các đối tác chuyên nghiệp để thực hiện **công tác an toàn và vệ sinh lao động**, đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả nhân

viên. Đồng thời, công ty cũng triển khai gói khám sức khỏe cao cấp mà toàn bộ nhân sự được hưởng với chi phí do công ty chi trả. Việc chăm sóc sức khỏe và sự an toàn của nhân viên là một phần không thể thiếu trong việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực và bền vững.

JSI đảm bảo an toàn cho người lao động thông qua các hoạt động tuyên truyền và tập huấn về **phòng cháy và chữa cháy** do các chuyên gia là Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy khu vực thực hiện. Hoạt động này không chỉ hỗ trợ công ty kiểm soát nguy cơ mà còn giáo dục và tăng cường nhận thức về sát Phòng cháy và Chữa cháy, tạo ra một môi trường làm việc an toàn và đảm bảo sức khỏe cho nhân sự.

5.3.5 ĐỊNH HƯỚNG TRONG TƯƠNG LAI

JSI hiểu rằng, nguồn nhân lực chính là yếu tố xây dựng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp. Kế hoạch năm 2024 JSI tiếp tục tập trung phát triển đội ngũ nhân sự, chú trọng công việc đào tạo không chỉ về chuyên môn nghiệp vụ và còn về kỹ năng quản trị công việc. Nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn là yếu tố ưu tiên hàng đầu để JSI có thể đáp ứng được yêu cầu của khách hàng quốc tế.

Nguồn nhân lực chất lượng cao song hành cùng với môi trường làm việc chất lượng cao – yếu tố quan trọng để giữ chân nhân tài. Với tôn chỉ “thượng tôn pháp luật”, tất cả mọi mặt trong kinh doanh nói chung và về chính sách nhân sự nói riêng, JSI luôn đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động được thực hiện một cách tốt nhất. Ngoài đáp ứng được yêu cầu luật định, JSI đã áp dụng và tiếp tục xây dựng chính sách lao động nhằm tạo dựng một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, là một đại gia đình, là nơi nhân viên được thăng hoa trong công việc, được hoàn thiện bản thân cũng như đóng góp cho đại gia đình ngày càng vững mạnh, từ đó tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững và lâu dài, tạo được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

6 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2023

VN-Index nỗ lực phục hồi trong năm 2023 từ mức thấp nhất trong tháng 1 tại 1.007,09. Chỉ số chật vật tăng điểm trong 6 tháng đầu năm 2023 và đạt đỉnh 1.255,11 vào tháng 9. Áp lực chốt lời xuất hiện và thu hẹp thị trường xuống mức 1.020 vào đầu tháng 11. Tuy nhiên, VN-Index vẫn tăng trở lại và kết thúc năm ở mức 1,129.93. Giá trị giao dịch bình quân trong ngày giảm 14,3% so với cùng kỳ xuống còn 17,519 tỷ đồng. Nhìn chung, thanh khoản duy trì ở mức thấp trong Quý 1 năm 2023 và dần cải thiện sau đó.

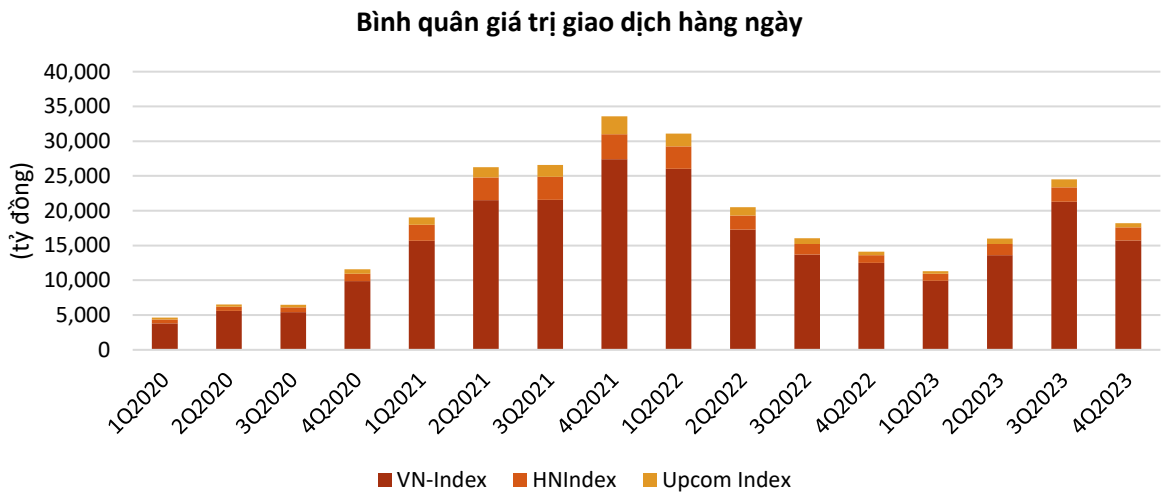

Nguồn: FiinPro

Giá trị giao dịch của cá nhân trong nước vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất với hơn 90%. Ngoài ra, tổng giá trị giao dịch của cá nhân trong nước, tổ chức trong nước, cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài đều ghi nhận mức giảm lần lượt -12,6%, -2,4%, -7,2% và -17,7%.

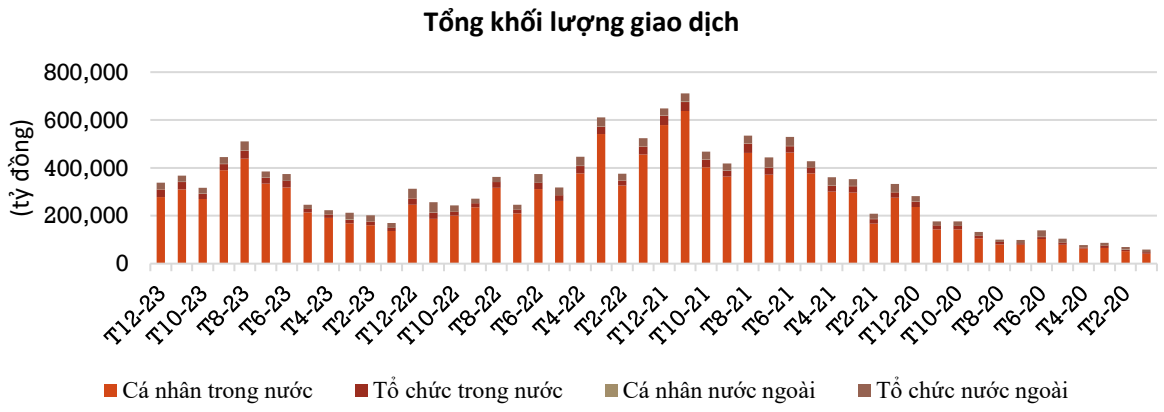

Nguồn: FiinPro

Tổng số tài khoản giao dịch chứng khoán ghi nhận hơn 7,292 nghìn tài khoản vào cuối năm 2023, tăng nhẹ 5,7% so với cùng kỳ. Trong tháng 10, các công ty chứng khoán đã loại bỏ hơn 545.000 tài khoản chứng khoán không hoạt động khỏi hệ thống. Động thái này được thực hiện theo yêu cầu của Thủ tướng nhằm thống nhất cơ sở dữ liệu quốc gia.

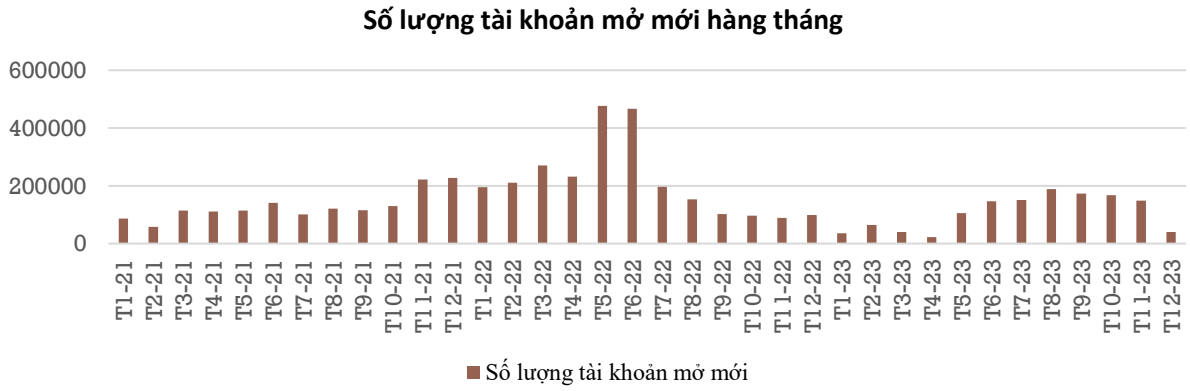

Nguồn: VSD

Khối ngoại ghi nhận giá trị bán ròng hơn 24,600 tỷ đồng năm 2023. Kết quả này chủ yếu là do (1) biến động của tỷ giá và (2) quá trình cơ cấu lại của các quỹ đầu tư. Việc Fed ngừng tăng lãi suất và kỳ vọng cắt giảm lãi suất đã thu hút dòng vốn đổ về các thị trường phát triển. Trong khi đó, hiệu suất ở các thị trường đang phát triển và cận biên lại không mấy khả quan.

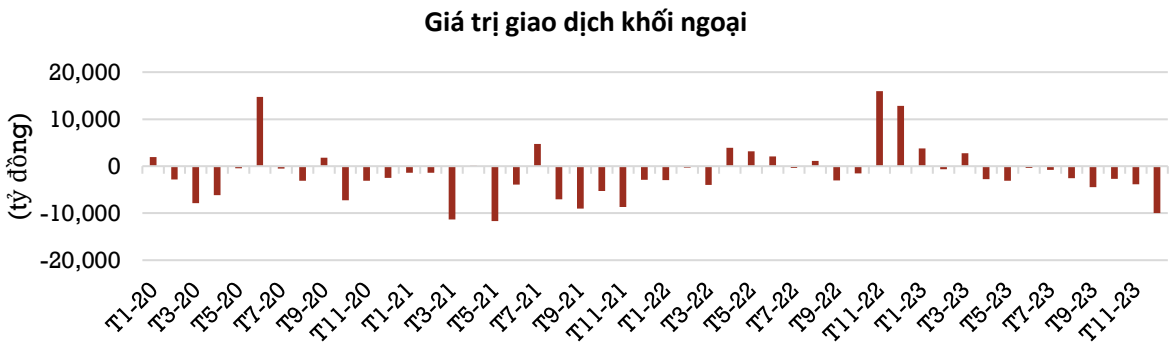

Nguồn: FiinPro

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam trượt dốc do những bất ổn của thị trường trong năm 2023. Hoạt động phát hành hầu như trì trệ trong nửa đầu 2023, nhưng nhanh chóng phục hồi và trở lại thường xuyên hơn trong nửa sau 2023. Nhìn chung, dữ liệu từ Bộ Tài chính cho thấy các doanh nghiệp đã phát hành 245,9 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023, giảm 35,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện các chính sách linh hoạt như giãn thời hạn trái phiếu, cho phép thanh toán bằng tài sản khác của tổ chức phát hành trái phiếu và cho phép ngân hàng mua lại trái phiếu chưa niêm yết mà không bị hạn chế về thời gian. Nhờ đó, những chính sách này đã giúp thị trường trái phiếu doanh nghiệp khởi sắc hơn và hạ cánh nhẹ nhàng trong nửa cuối năm 2023.

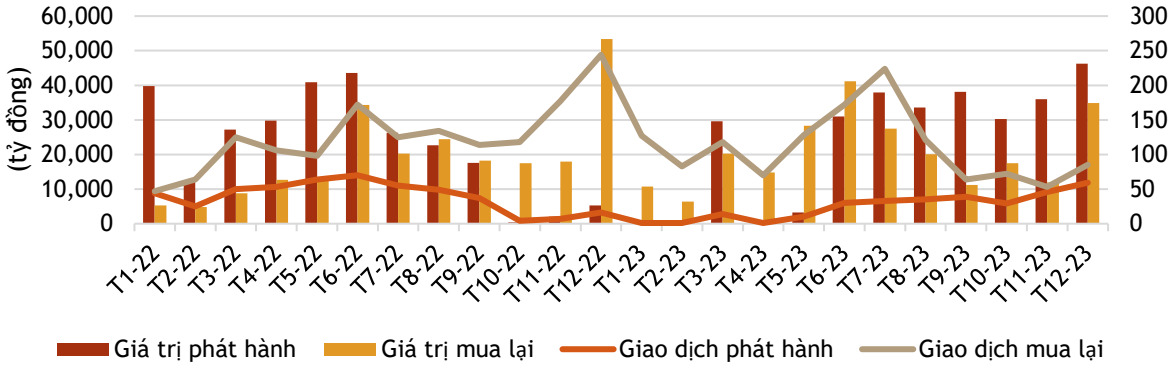

Nguồn: HNX

6.2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NGHIỆP VỤ

6.2.1 HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI VÀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Các công ty chứng khoán nói chung và JSI nói riêng phải đối mặt với những thách thức đáng kể vào năm 2023 do tác động không mấy tích cực của thị trường chứng khoán trong nước. Tâm lý thận trọng của nhà đầu tư lo ngại về sự bất ổn kinh tế và biến động thị trường. Tốc độ tăng trưởng chung của thị trường không đạt mức kỳ vọng, nhà đầu tư chứng khoán gặp khó khăn trong việc kiếm lợi nhuận trên thị trường chứng khoán, tình trạng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài dẫn đến giảm giao dịch, giảm thanh khoản… là những yếu tố khiến cho doanh thu môi giới của JSI nhìn chung biến động tiêu cực. JSI chỉ đạt doanh thu môi giới 2023 ở mức 11 tỷ, tương đương 66% so với năm 2022. Với thế mạnh tập trung vào các sản phẩm là báo cáo phân tích dành cho khách hàng tổ chức nước ngoài, doanh thu môi giới từ tổ chức nước ngoài vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu môi giới 2023 của công ty, đạt 92%.

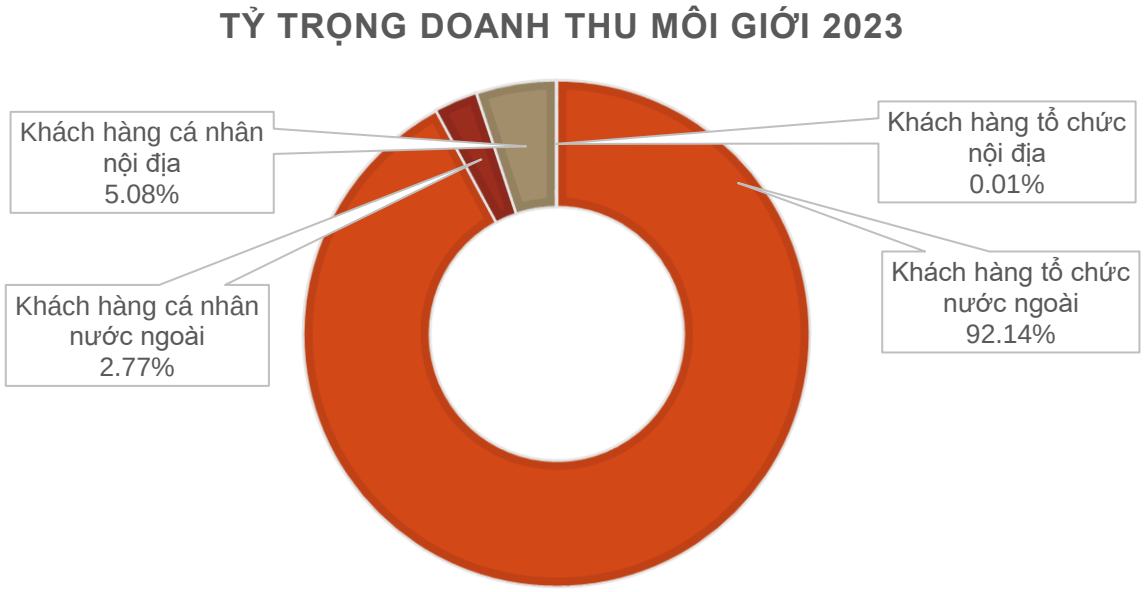

Là hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty, dịch vụ môi giới chứng khoán luôn được tập trung tối đa nguồn lực để phát triển một cách bền vững. Để đạt được mục tiêu trung và dài hạn là cung cấp dịch vụ chứng khoán toàn diện với chất lượng Nhật Bản cho khách hàng toàn cầu giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam, các kế hoạch hoạt động được xác lập chi tiết, kỹ lưỡng, thống nhất với tầm nhìn chiến lược đồng thời phù hợp với bối cảnh thị trường theo từng giai đoạn:

- Thực hiện việc **phân tích khách hàng** dựa trên nhu cầu đầu tư, tài sản đầu tư, đặc tính đầu tư, vòng quay tài sản...từ đó cung cấp đúng thông tin, sản phẩm nhằm kích thích, gia tăng tần suất, giá trị giao dịch của khách hàng;

- **Đa dạng hóa các dịch vụ** như báo cáo giao dịch, thông tin thị trường, thông tin doanh nghiệp … nhằm hỗ trợ tốt hơn khách hàng nước ngoài trong việc tiếp cận thông tin và ra quyết định đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam;

- **Cải tiến các tính năng của hệ thống giao dịch trực tuyến** để nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng khi giao dịch;

- Chú trọng **nâng cao chất lượng thực hiện lệnh** của khách hàng tổ chức, đem lại kết quả giao dịch tốt nhất cho khách hàng để từ đó nâng cao uy tín của công ty và cải thiện tần suất của các giao dịch giá trị lớn;

- **Tăng cường đào tạo** để nâng cao chất lượng nhân sự về kiến thức chuyên môn, các kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu về chất lượng dịch vụ ngày càng cao;

- **Cập nhật và điều chỉnh các quy trình** cung cấp dịch vụ cũng như các quy trình nội bộ nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp tới khách hàng;

- Tiếp cận khách hàng bằng **dịch vụ hoàn hảo**, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách linh hoạt;

- **Xây dựng uy tín** thông qua việc là cầu nối thông tin tin cậy, cập nhật thông tin về thị trường kịp thời và chính xác;

- **Phát triển tập khách hàng nước ngoài** dựa trên mối quan hệ mật thiết với Chủ sở hữu tại Nhật Bản thông qua các chiến dịch quảng bá giới thiệu về triển vọng và cơ hội đầu tư tại Việt Nam.

6.2.2 HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN CHỨNG KHOÁN

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, JSI nhận thức được rằng việc cung cấp cho khách hàng những báo cáo cập nhật nhanh nhất và chính xác nhất là vô cùng quan trọng. Bằng cách tận dụng chuyên môn trong phân tích dữ liệu và nghiên cứu thị trường, sử dụng các kỹ thuật công nghệ tiên tiến và dựa trên mạng lưới liên hệ rộng khắp trong ngành, JSI đã liên tục cập nhật những phân tích chuyên sâu về xu hướng thị trường cũng như cơ hội đầu tư, khẳng định vị thế là công ty môi giới chứng khoán của Nhật Bản tại Việt Nam cung cấp thông tin đáng tin cậy cho các khách hàng tổ chức nước ngoài.

- **Về mặt số lượng**, ngoài việc duy trì báo cáo hàng ngày cũng như các báo cáo định kỳ/phát sinh được đặt hàng riêng theo nhu cầu của từng khách hàng, JSI chủ động mở rộng thêm số lượng công ty trong danh sách theo dõi thường xuyên nhằm tìm ra những cơ hội sinh lời cho các nhà đầu tư.

- **Về mặt chất lượng**, các báo cáo của JSI được liên tục tinh chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế và hướng tới yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Các báo cáo chi tiết và chính xác, cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị về các cơ hội đầu tư trên thị trường, cùng nguồn dữ liệu được kiểm chứng đầy đủ qua các kênh thông tin uy tín, thời gian hoàn thành báo cáo cũng được cải thiện nhằm giúp khách hàng liên

tục kịp thời nắm bắt các diễn biến của thị trường. Từ đó, JSI tạo sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh và lấy được lòng tin của khách hàng.

Việc JSI tập trung vào các báo cáo phân tích dành cho khách hàng tổ chức nước ngoài kỳ vọng sẽ đem lại tác động đáng kể đến sự tăng trưởng doanh thu môi giới. Bằng cách tiếp tục đổi mới và mở rộng các dịch vụ của mình trong lĩnh vực này, JSI có thể thu hút khách hàng mới và tăng cường mối quan hệ với những khách hàng hiện có, thúc đẩy doanh thu từ phí môi giới tăng lên. Ngoài ra, việc JSI tập trung phục vụ nhu cầu của khách hàng tổ chức nước ngoài phù hợp với xu hướng toàn cầu hóa, kỳ vọng sẽ giúp công ty tiếp tục thành công trong những năm tới. Kế hoạch trong 2024 đối với hoạt động Phân tích và tư vấn chứng khoán:

- **Cung cấp sản phẩm chuyên sâu** phù hợp với xu hướng thị trường và nhu cầu của nhà đầu tư.

- **Tăng cường phát hành báo cáo** và đa dạng hóa kênh giao tiếp với khách hàng, không chỉ dựa vào các kênh truyền thống mà còn sử dụng các kênh truyền thông hiện đại để đảm bảo tiếp cận hiệu quả nhất với khách hàng.

6.2.3 HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

Năm 2021, Chủ sở hữu của JSI là Công ty Chứng khoán Aizawa có trụ sở tại Nhật Bản đã thực hiện một quyết định quan trọng là tái cơ cấu, trở thành tập đoàn tài chính với tên gọi Tập đoàn Chứng khoán Aizawa. Quá trình tái cơ cấu này đã chuyên biệt hóa nghiệp vụ, vai trò và chức năng của từng công ty con. Trong kế hoạch tái cơ cấu, Tập đoàn đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng công ty con, nhằm tối ưu hóa hoạt động toàn diện của Tập đoàn. Theo đó, JSI được chỉ định với vai trò quan trọng là trở thành một nhà môi giới chứng khoán chuyên nghiệp, tập trung vào định hướng phục vụ cho khách hàng tổ chức chuyên nghiệp đến từ Nhật Bản tại thị trường Việt Nam.

Là một phần của quá trình tái cơ cấu, JSI đã tạm thời dừng lại các hoạt động tự doanh chứng khoán. Điều này nhấn mạnh sự tập trung của JSI vào việc thúc đẩy các nhiệm vụ chính được giao, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định và quy trình được đề ra từ Tập đoàn. Sau khi nhận được sự cho phép từ phía Tập đoàn, JSI sẽ tiếp tục triển khai các hoạt động tự doanh này.

6.3 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2023

6.3.1 CƠ CẤU TÀI SẢN

Trong năm 2023, **tổng tài sản của JSI đã đạt 338 tỷ đồng**, ghi nhận mức tăng trưởng 2,08% so với năm 2022. Trong bối cảnh tạm dừng nghiệp vụ tự doanh chứng khoán theo phân quyền từ Tập đoàn mẹ, JSI đã thực hiện cơ cấu danh mục tài sản, tập trung vào các tài sản tài chính an toàn như tiền gửi dài hạn và chứng chỉ tiền gửi. Công ty đánh giá rằng, trong tình hình kinh tế hiện nay, đây là những tài sản tài chính này có khả năng sinh lời ổn định, tính thanh khoản cao, và dễ dàng rút vốn hoặc tái đầu tư khi cần thiết mà không gặp bất kỳ khó khăn nào. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro cho công ty và tăng tính linh hoạt trong hoạt động quản lý tài sản, đồng thời đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong thời gian tới.

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu Tổng tài sản của JSI, đạt 51,5%, với giá trị đạt 174 tỷ đồng, tuy nhiên đã ghi nhận mức giảm 40,42% so với cùng kỳ. Phần lớn trong số này là các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản cho hoạt động kinh doanh và cũng góp phần mang lại doanh thu tài chính cho JSI. **Tài sản tài chính ngắn hạn** được đầu tư và nắm giữ đến ngày đáo hạn, ghi nhận tại thời điểm 31/12/2023 đạt 170 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

Trong khi đó, **tài sản dài hạn** của công ty đã ghi nhận mức tăng 320,74% so với cùng kỳ, đạt 164 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 48,5% trong Tổng tài sản. Danh mục đầu tư này bao

gồm các hợp đồng tiền gửi được nắm giữ đến ngày đáo hạn, với số dư 155 tỷ đồng. Các hợp đồng tiền gửi này được gửi tại các ngân hàng lớn, có kỳ hạn phù hợp với định hướng đầu tư dài hạn và cẩn trọng của JSI. Đồng thời, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dài giúp JSI được hưởng mức lãi suất cao hơn và góp phần cải thiện doanh thu của công ty.

Chỉ tiêu	2022		2023		Tăng trưởng
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	**292,580,972,428**	**88.2**	**174,306,662,274**	**51.5**	**-40.42**
Tài sản tài chính	290,240,176,147	87.5	170,758,106,517	50.4	-41.17
Tài sản ngắn hạn khác	2,340,796,281	0.7	3,548,555,757	1.0	51.6
Tài sản dài hạn	**39,026,013,950**	**11.8**	**164,197,191,642**	**48.5**	**320.74**
Tài sản tài chính dài hạn	30,000,000,000	9	155,000,000,000	45.8	416.67
Tài sản cố định	5,893,246,449	1.8	4,248,106,433	1.2	-27.92
Tài sản dài hạn khác	3,132,767,501	0.9	4,949,085,209	1.5	57.98
Tổng cộng tài sản	**331,606,986,378**	**100**	**338,503,853,916**	**100**	**2.08**

6.3.2 CƠ CẤU VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu kinh doanh là một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với hoạt động kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào. Đối với JSI, nguồn vốn chủ sở hữu có vai trò then chốt trong việc giúp công ty có được hoạt động hiệu quả và duy trì sự phát triển bền vững qua các năm. Ngoài ra, nguồn vốn chủ sở hữu cũng giúp JSI duy trì được một nền tảng tài sản an toàn. Điều này rất quan trọng để đảm bảo sự ổn định và bền vững của công ty trong thời gian dài.

Cơ cấu vốn chủ sở hữu tại JSI giai đoạn 2022-2023:

Chỉ tiêu	2022		2023		Tăng trưởng (%)
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	
Vốn góp của chủ sở hữu	300,000,000,000	91.6	300,000,000,000	89.7	0
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	325,801,831	0.1	325,801,831	0.1	0
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	344,013,296	0.1	344,013,296	0.1	0
Lợi nhuận chưa phân phối	26,681,381,117	8.2	33,937,587,965	10.1	27.2
Tổng cộng vốn chủ sở hữu	**327,351,196,244**	**100**	**334,607,403,092**	**100**	**2.2**

Vốn chủ sở hữu của công ty đang ở mức 335 tỷ đồng vào ngày 31/12/2023, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu nhờ lợi nhuận chưa phân phối. Việc tăng trưởng vốn chủ sở hữu dù không lớn nhưng cũng thể hiện hoạt động kinh doanh có lợi nhuận và tạo tiền đề để JSI có nguồn lực nghiên cứu các sản phẩm dịch vụ mới và mở rộng hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả, nhằm mang lại lợi ích tối đa cho chủ sở hữu, từ đó tạo ra nhiều cơ hội phát triển và đóng góp tích cực cho nền kinh tế đất nước.

6.3.3 TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

JSI ghi nhận mức **giảm 8,44% Nợ phải trả so với cùng kỳ** năm trước. Đáng chú ý, JSI chỉ có nợ ngắn hạn và không có nợ dài hạn. Điều này phản ánh cam kết của công ty trong việc duy trì một tình hình tài chính ổn định và quản lý nợ hiệu quả. Nhờ đó, JSI không chỉ giảm được rủi ro tài chính mà còn tạo ra một cơ sở vững chắc cho sự phát triển và mở rộng trong tương lai.

Chỉ tiêu	2022		2023		Tăng trưởng (%)
	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VND)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	**4,255,790,134**	**100**	**3,896,450,824**	**100**	**-8.44**
Phải trả người bán ngắn hạn	186,820,140	4.4	116,923,155	3.0	-37.41
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1,955,272,445	45.9	1,178,031,788	30.2	-39.75
Phải trả người lao động	1,506,113,339	35.4	1,959,748,951	50.3	30.12
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	96,309,400	2.3	108,282,400	2.8	12.43
Chi phí phải trả ngắn hạn	392,801,189	9.2	399,492,460	10.3	1.7
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	118,473,621	2.8	133,972,070	3.4	13.08
Nợ phải trả dài hạn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Tổng cộng nợ phải trả	**4,255,790,134**	**100**	**3,896,450,824**	**100**	**-8.44**

6.3.4 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết thúc năm tài chính 2023, JSI đã ghi nhận kết quả không đạt được như kỳ vọng do tình hình thị trường không thuận lợi. Cụ thể, trong năm này, tổng giá trị tài sản của JSI chỉ tăng 2%, dưới mức tăng trưởng mong đợi. Doanh thu thuần cũng tăng nhẹ chỉ 3%, trong khi đó, lợi nhuận trước thuế giảm 33%, và lợi nhuận sau thuế giảm 34%.

Tuy nhiên, với **Doanh thu thuần đạt gần 37 tỷ đồng** và **Lợi nhuận trước thuế đạt xấp xỉ 9.1 tỷ đồng**, JSI vẫn duy trì được sự ổn định và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh. Một trong những yếu tố quan trọng đó là chiến lược đầu tư an toàn mà công ty đã triển khai, giúp tạo ra một môi trường kinh doanh ổn định và đáng tin cậy. Sự đa dạng trong

các mảng kinh doanh cũng đã đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của JSI. Dịch vụ chứng khoán, kinh doanh tài chính, cũng như dịch vụ tư vấn và phân tích đầu tư đều đã mang lại nguồn doanh thu đáng kể và bền vững cho công ty. Dù kết quả không đạt được như mong đợi, nhưng JSI vẫn tiếp tục đứng vững và phát triển trên thị trường.

Chỉ tiêu	2022 (VND)	2023 (VND)	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	331,606,986,378	338,503,853,916	2.08%
Doanh thu thuần	35,913,833,531	36,972,389,771	2.95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11,559,793,319	9,446,436,081	-18.28%
Lợi nhuận khác	2,160,144,277	-288,909,062	-113.37%
Lợi nhuận trước thuế	13,719,937,596	9,157,527,019	-33.25%
Lợi nhuận sau thuế	10,956,342,038	7,256,206,848	-33.77%

6.3.5 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	2022	2023
1. Quy mô vốn		
Vốn điều lệ *(VND)*	300,000,000,000	300,000,000,000
Vốn chủ sở hữu *(VND)*	327,351,196,244	334,607,403,092
Tổng tài sản có *(VND)*	331,606,986,378	338,503,853,916
Tỷ lệ an toàn vốn *(%)*	747.11	763.83
2. Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh số huy động tiền gửi *(VND)*	14,643,555,461	22,182,421,921
Doanh số cho vay *(VND)*	32,793,704	33,996,758
3. Khả năng thanh khoản		
Khả năng thanh toán ngay *(lần)*	68.75	44.73
Khả năng thanh toán chung *(lần)*	77.92	86.87

Đơn vị: Lần

Chỉ tiêu	2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	68.75	44.73
Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	68.75	44.73
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ / Tổng tài sản	0.01	0.01
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0.01	0.01
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	0.11	0.11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0.31	0.2
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0.03	0.02
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.03	0.02
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0.32	0.26

6.4 SỰ KIỆN TRONG NĂM 2023

Năm 2023, với mục đích ngày càng hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ khách hàng, tạo môi trường làm việc chất lượng cao cho toàn thể cán bộ nhân viên JSI đã thực hiện và hoàn thành công tác **chuyển văn phòng và hệ thống công nghệ thông tin** tới văn phòng hạng A tại tòa nhà Capital Place, Hà Nội. Các bước kiểm tra và kiểm soát chất lượng đã được thực hiện một cách cẩn thận và chặt chẽ để đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin nói riêng cũng như mọi hoạt động nói chung của công ty được ổn định, và JSI có thể liên tục cung cấp dịch vụ một cách thuận lợi, hiệu quả và không gây gián đoạn cho khách hàng và đối tác.

Cũng trong năm, JSI **tiếp đón các đoàn kiểm tra** từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch Chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam VSDC. Qua các đợt kiểm tra, hệ thống cơ sở vật chất và công nghệ thông tin của công ty đã được đánh giá và công nhận là đáp ứng đầy đủ các yêu cầu luật định, đảm bảo cung cấp các giải pháp tài chính tối ưu tới khách hàng trong và ngoài nước. JSI cam kết duy trì và nâng cao chất lượng hệ thống để đảm bảo tính ổn định và hiệu quả trong hoạt động giao dịch chứng khoán của công ty.

Kiên định với triết lý “hành động vì lợi ích cao nhất của xã hội, của khách hàng cũng như của toàn thể nhân viên”, JSI không chỉ là một doanh nghiệp mà còn là một người bạn đồng hành tin cậy của mọi khách hàng, luôn hướng tới lợi ích cao nhất của xã hội và toàn bộ nhân viên. Chúng tôi cam kết tiếp tục nỗ lực để kết nối thị trường chứng khoán Việt Nam với cộng đồng quốc tế, không chỉ giới hạn ở những nhà đầu tư tại Nhật Bản mà còn mở rộng ra các quốc gia châu Á và toàn thế giới. Đồng thời, JSI cũng sẽ không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự, với mong muốn củng cố sứ mệnh của mình.

7 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

JSI cam kết thực hiện các trách nhiệm xã hội và môi trường nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty và góp phần vào sự lớn mạnh của đất nước. Công ty không chỉ coi trọng việc đảm bảo tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn xã hội mà kỳ vọng tạo ra các giải pháp và chương trình có ý nghĩa và tích cực cho cộng đồng và môi trường xung quanh. Chúng tôi tin rằng việc thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường không chỉ là nhiệm vụ của một doanh nghiệp mà còn là một cam kết với tương lai bền vững của cả cộng đồng.

7.1 BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

JSI, với đặc thù là một công ty tài chính và quy mô hoạt động như hiện nay, không tiêu thụ nhiều tài nguyên môi trường như điện và nước trong quá trình vận hành. Tuy nhiên, mỗi cá nhân tại JSI đều nỗ lực đóng góp một phần nhỏ sức lực để thúc đẩy hành động tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên nước, hạn chế sử dụng các sản phẩm gây ô nhiễm môi trường như chai nhựa và túi ni lông, và ủng hộ việc tái chế giấy in, hộp carton và túi nhựa để hướng tới một môi trường xanh – sạch – đẹp. Trong năm 2023, JSI không ghi nhận bất kỳ trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật hoặc các quy định về môi trường, điều này là minh chứng cho cam kết của chúng tôi trong việc duy trì và thúc đẩy một môi trường hoạt động và làm việc bền vững, có trách nhiệm xã hội.

7.2 TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

JSI luôn ý thức về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương và cam kết hành động nhằm giảm thiểu và tránh các tác động tiêu cực, đồng thời tối đa hóa những tác động tích cực và lợi ích lâu dài đối với cộng đồng. Chúng tôi không chỉ tập trung vào việc phát triển kinh doanh mà còn chú trọng đến các mối quan hệ xã hội, chính

trị và kinh tế, và luôn nỗ lực để thúc đẩy sự phát triển bền vững và cân bằng trong các lĩnh vực này. Điều đó được thể hiện qua các khía cạnh đối với xã hội, nhà nước, thị trường, khách hàng và lao động.

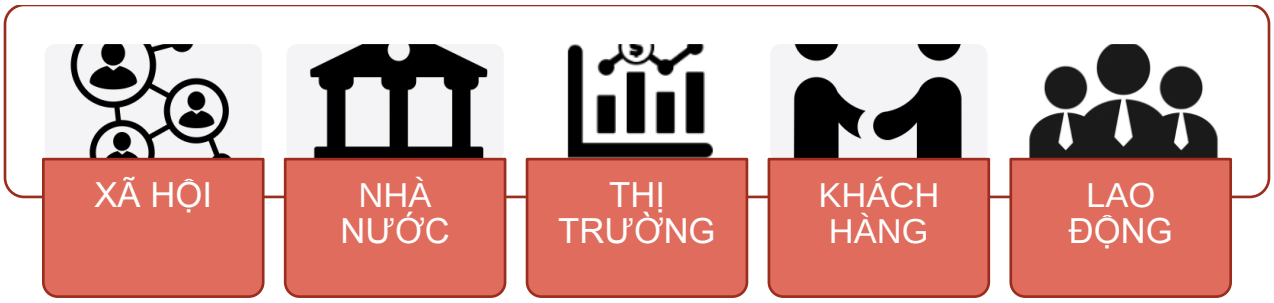

- Đối với **Xã hội**: JSI không chỉ là một doanh nghiệp hoạt động với mục tiêu lợi nhuận mà còn là một thành viên tích cực trong cộng đồng, luôn hưởng ứng và tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng. Công ty nỗ lực để cân bằng giữa việc tạo ra giá trị thặng dư cho doanh nghiệp và các hoạt động có lợi ích cho toàn xã hội. Điều này bao gồm việc hỗ trợ tài chính cho các dự án và chương trình cộng đồng, đóng góp vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng và cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng xung quanh. Việc đầu tư vào cộng đồng là một phần không thể thiếu của cam kết đạo đức kinh doanh và đóng góp vào sự phát triển kinh tế bền vững.

- Đối với **Nhà nước**: JSI luôn tôn trọng và tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật, chấp hành mọi quy định của Nhà nước cũng như các quy định cụ thể của ngành chứng khoán. Công ty cam kết đảm bảo rằng mọi hoạt động đều tuân thủ đầy đủ và chính xác các quy định pháp lý, từ việc quản lý và giao dịch đến báo cáo tài chính. Ngoài ra, JSI thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước, đóng góp tích cực vào sự phát triển và xây dựng đất nước. Việc duy trì mối quan hệ tín nhiệm với Nhà nước là một phần không thể thiếu trong việc xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh và bền vững.

- Đối với **Thị trường**: JSI đảm bảo cung cấp dịch vụ và sản phẩm chất lượng cao, đồng thời tuân thủ mọi quy định và pháp luật của ngành, nhằm thúc đẩy sự minh bạch và

hoạt động xuyên suốt của thị trường chứng khoán. Công ty không ngừng nỗ lực để tạo ra một môi trường giao dịch công bằng, minh bạch và an toàn cho tất cả các nhà đầu tư. Đặc biệt, JSI đặt sự chú trọng vào việc mở rộng tầm nhìn thị trường, đồng thời tìm kiếm và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài - những tổ chức tài chính có kinh nghiệm và tiềm lực - để đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc hợp tác với các đối tác quốc tế sẽ giúp huy động nguồn vốn từ các thị trường phát triển trên thế giới, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam.

- Đối với **Khách hàng**: JSI không chỉ là một đơn vị tư vấn tài chính mà còn là đối tác đáng tin cậy của mỗi khách hàng, luôn đặt lợi ích của họ lên hàng đầu. Công ty hỗ trợ quản lý tài sản của khách hàng bằng cách cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất có thể. Không chỉ tập trung vào việc đem đến sự hài lòng và tin tưởng cho khách hàng, JSI còn đảm bảo rằng mọi quy trình quản lý tài sản được thực hiện một cách minh bạch, an toàn và bảo mật. Bằng cách này, chúng tôi mong muốn đạt được tiêu chuẩn quốc tế cao nhất, giúp khách hàng yên tâm và tạo nên mối quan hệ lâu dài và bền vững.

- Đối với **Lao động**: JSI cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng giới, an toàn và đầy đủ các phúc lợi cho nhân viên. Chúng tôi tin rằng sự hạnh phúc và sự phát triển cá nhân của nhân viên là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng một tổ chức mạnh mẽ và hiệu quả. JSI không chỉ tập trung vào việc cung cấp môi trường làm việc an toàn mà còn đảm bảo rằng mọi nhân viên đều được tôn trọng và có cơ hội phát triển bản thân. Chúng tôi không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng cuộc sống của lực lượng lao động và gia đình của họ, từ đó tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với cộng đồng địa phương và xã hội nói chung. Điều này được thể hiện thông qua các chính sách hỗ trợ, chương trình phát triển cá nhân và các hoạt động cộng đồng mà chúng tôi thực hiện.

8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023

8.1 Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán VACO

- Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với Báo cáo tài chính 2023 của công ty: Chấp thuận toàn phần

8.2 BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tài liệu đính kèm./.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

TỔNG GIÁM ĐỐC

TSUYOSHI IMAI

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	6 - 7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Tsuyoshi Imai	Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Ông Tomonori Tsuchiya	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Tsuyoshi Imai - Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như báo cáo kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 079 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3652-2021-156-1

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Bình Dương
Số 12 đường số 5, tổ 19
khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**		**174.306.662.274**	**292.580.972.428**
I.	**Tài sản tài chính**	**110**		**170.758.106.517**	**290.240.176.147**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	7.152.049.914	16.017.784.751
1.1.	*Tiền*	*111.1*		*4.152.049.914*	*6.017.784.751*
1.2.	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		*3.000.000.000*	*10.000.000.000*
2.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7	150.000.000.000	265.000.000.000
3.	Các khoản cho vay	114	8	1.277.624.166	1.243.672.975
4.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)
5.	Các khoản phải thu	117	10	12.348.974.327	8.022.679.871
5.1.	*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*117.2*		*12.348.974.327*	*8.022.679.871*
5.1.1.	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*117.4*		*12.348.974.327*	*8.022.679.871*
6.	Trả trước cho người bán	118	10	402.303.000	97.440.000
7.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	263.050.388	295.893.574
8.	Các khoản phải thu khác	122	10	557.777.697	806.377.951
II.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**		**3.548.555.757**	**2.340.796.281**
1.	Tạm ứng	131		7.500.000	-
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	11	2.696.220.877	1.534.761.401
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		844.834.880	806.034.880
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)**	**200**		**164.197.191.642**	**39.026.013.950**
I.	**Tài sản tài chính dài hạn**	**210**		**155.000.000.000**	**30.000.000.000**
1.	Các khoản đầu tư	212	7	155.000.000.000	30.000.000.000
1.1.	*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*	*212.1*		*155.000.000.000*	*30.000.000.000*
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**4.248.106.433**	**5.893.246.449**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	3.113.432.697	3.874.091.072
	- Nguyên giá	*222*		*11.758.417.754*	*12.689.400.604*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223.a*		*(8.644.985.057)*	*(8.815.309.532)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	1.134.673.736	2.019.155.377
	- Nguyên giá	*228*		*8.149.142.220*	*8.140.142.220*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229.a*		*(7.014.468.484)*	*(6.120.986.843)*
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**4.949.085.209**	**3.132.767.501**
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.159.044.800	1.159.044.800
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	11	2.216.870.097	454.140.350
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	1.573.170.312	1.519.582.351
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		**270**		**338.503.853.916**	**331.606.986.378**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)		**300**		**3.896.450.824**	**4.255.790.134**
I.	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**		**3.896.450.824**	**4.255.790.134**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		116.923.155	186.820.140
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	1.178.031.788	1.955.272.445
3.	Phải trả người lao động	323		1.959.748.951	1.506.113.339
4.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		108.282.400	96.309.400
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	399.492.460	392.801.189
6.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	133.972.070	118.473.621
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**334.607.403.092**	**327.351.196.244**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**18**	**334.607.403.092**	**327.351.196.244**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
1.1.	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*411.1*		*300.000.000.000*	*300.000.000.000*
2.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		325.801.831	325.801.831
3.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		344.013.296	344.013.296
4.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		33.937.587.965	26.681.381.117
4.1.	*Lợi nhuận đã thực hiện*	*417.1*		*33.937.587.965*	*26.681.381.117*
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		**440**		**338.503.853.916**	**331.606.986.378**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Ngoại tệ các loại	005			
- USD			251,29	264,49
- JPY			94.096	115.271
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	**021**	**19**	**193.877.020.000**	**183.357.400.000**
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		193.342.920.000	182.973.400.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		106.000.000	106.000.000
c. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		428.100.000	278.000.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	**022**	**20**	**4.768.810.000**	**377.710.000**
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		4.591.810.000	377.710.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		177.000.000	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	**023**	**21**	**310.500.000**	**6.951.400.000**
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	**024**	**22**	**5.121.655.300**	**5.128.198.600**
5. Tiền gửi của khách hàng	**026**	**23**	**6.267.340.748**	**4.939.952.621**
5.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		5.752.320.832	4.778.207.275
5.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		513.783.473	158.419.017
5.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		1.236.443	3.326.329
6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	**031**	**24**	**6.266.104.305**	**4.936.626.292**
6.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		6.143.346.012	4.846.464.396
6.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		122.758.293	90.161.896
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	**035**		**1.236.443**	**3.326.329**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Đỗ Ngọc Phương Linh	**Khổng Thị Hương**	**Tsuyoshi Imai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**				
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	(28.315.184)
a.	*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*01.1*		-	*1.425.070.932*
b.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL*	*01.2*		-	*(1.453.386.116)*
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	25	22.182.421.921	14.643.555.461
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	25	33.996.758	32.793.704
1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		11.228.581.982	17.081.736.193
1.5	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.274.457.130	2.684.821.319
1.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		61.635.945	57.619.310
1.7	Thu nhập hoạt động khác	11		1.191.296.035	1.441.622.728
	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 => 11)	**20**		**36.972.389.771**	**35.913.833.531**
II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**				
2.1	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21	26	-	345.146.588
a.	*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*21.1*		-	*345.146.588*
2.2	Chi phí hoạt động tự doanh	26	26	-	48.494.267
2.3	Chi phí môi giới chứng khoán	27	26	17.632.113.723	15.605.927.652
2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	26	1.198.451.606	1.099.734.500
2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	26	64.810.455	60.951.481
2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	26	97.842.300	-
	Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 => 30)	**40**		**18.993.218.084**	**17.160.254.488**
III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	27	96.261.018	84.875.171
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42)	**50**		**96.261.018**	**84.875.171**
IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**				
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		12.616.760	9.222.441
	Cộng chi phí tài chính (60 = 51)	**60**		**12.616.760**	**9.222.441**
V.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**28**	**8.616.379.864**	**7.269.438.454**
VI.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)**	**70**		**9.446.436.081**	**11.559.793.319**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
7.1	Thu nhập khác	71		920.136	2.160.144.638
7.2	Chi phí khác	72	29	289.829.198	361
	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**(288.909.062)**	**2.160.144.277**
VIII.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)**	**90**		**9.157.527.019**	**13.719.937.596**
8.1	Lợi nhuận đã thực hiện	91		9.157.527.019	15.173.323.712
8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	(1.453.386.116)
IX.	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**100**		**1.901.320.171**	**2.763.595.558**
9.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	1.901.320.171	3.054.272.781
9.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	(290.677.223)
X.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)**	**200**		**7.256.206.848**	**10.956.342.038**

Đỗ Ngọc Phương Linh	**Khổng Thị Hương**	**Tsuyoshi Imai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	**01**	**9.157.527.019**	**13.719.937.596**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**	**3.115.182.359**	**2.799.351.954**
-	Khấu hao TSCĐ	03	2.955.610.937	2.917.020.829
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	193.568.180	(84.875.171)
-	Dự thu tiền lãi	08	(33.996.758)	(32.793.704)
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**30**	**(19.258.558.954)**	**(21.323.768.171)**
-	Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	-	31.453.386.116
-	Tăng (giảm) các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(10.000.000.000)	(50.000.000.000)
-	(Tăng) giảm các khoản cho vay	33	(33.951.191)	1.580.126.398
-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TS tài chính	36	(4.218.314.538)	68.954.283
-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	32.843.186	10.496.916
-	(-) Tăng, (+) giảm phải thu khác	39	206.800.254	(555.901.879)
	(-) Tăng, (+) giảm các tài khác	40	(7.500.000)	-
-	Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	6.691.271	93.760.662
-	(Tăng) giảm chi phí trả trước	42	(2.924.189.223)	12.620.928
-	Thuế TNDN đã nộp	43	(2.454.272.781)	(2.610.182.851)
-	Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(69.896.985)	(25.272.111)
-	Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	11.973.000	11.267.000
-	Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(224.288.047)	(227.533.892)
-	Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	453.635.612	(938.813.480)
-	Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	15.498.449	(101.067.714)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	(53.587.961)	(95.608.547)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***	***(6.985.849.576)***	***(4.804.478.621)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(1.946.922.378)	(345.253.700)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	44.759.259	-
3.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	22.277.858	22.417.752
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***	***(1.879.885.261)***	***(322.835.948)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***	-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	**90**	**(8.865.734.837)**	**(5.127.314.569)**
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**101**	**16.017.784.751**	**21.145.099.320**
- Tiền	101.1	6.017.784.751	11.145.099.320
- Các khoản tương đương tiền	101.2	10.000.000.000	10.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**103**	**7.152.049.914**	**16.017.784.751**
- Tiền	103.1	4.152.049.914	6.017.784.751
- Các khoản tương đương tiền	103.2	3.000.000.000	10.000.000.000

Đỗ Ngọc Phương Linh	Khổng Thị Hương	Tsuyoshi Imai
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	222.499.140.360	263.987.545.220
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(236.037.592.500)	(156.634.657.300)
3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	214.025.054.622	219.061.823.120
4.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(199.095.806.611)	(330.309.609.552)
5.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(61.317.858)	(55.708.250)
6.	Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán	14	12.014.961.088	12.745.666.320
7.	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	(12.017.050.974)	(12.747.961.186)
	Tăng/giảm tiền thuần trong năm	***20***	***1.327.388.127***	***(3.952.901.628)***
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**	**30**	**4.939.952.621**	**8.892.854.249**
-	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	4.778.207.275	8.315.354.983
-	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	158.419.017	571.878.071
-	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	3.326.329	5.621.195
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**	**40**	**6.267.340.748**	**4.939.952.621**
-	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	5.752.320.832	4.778.207.275
-	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	513.783.473	158.419.017
-	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	1.236.443	3.326.329

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Đỗ Ngọc Phương Linh	**Khổng Thị Hương**	**Tsuyoshi Imai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		01/01/2022	01/01/2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2022	31/12/2023
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-		-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18	325.801.831	325.801.831	-	-	-	-	325.801.831	325.801.831
3. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	344.013.296	344.013.296	-	-	-	-	344.013.296	344.013.296
4. Lợi nhuận chưa phân phối	18	15.725.039.079	26.681.381.117	10.956.342.038	-	7.256.206.848	-	26.681.381.117	33.937.587.965
Tổng vốn chủ sở hữu	**18**	**316.394.854.206**	**327.351.196.244**	**10.956.342.038**	**-**	**7.256.206.848**	**-**	**327.351.196.244**	**334.607.403.092**

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.

Đỗ Ngọc Phương Linh
Người lập biểu

Khổng Thị Hương
Kế toán trưởng

Tsuyoshi Imai
Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Chứng khoán Nhật Bản (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản) ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 129/GP-UBCK ngày 10 tháng 8 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lại và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 60/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 7 năm 2023. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại Tầng 7, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, Số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Điều lệ Công ty được sửa đổi và ban hành mới nhất vào ngày 24 tháng 8 năm 2021.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 24 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 23 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc của Công ty.
- Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa (tên cũ: Công ty Chứng khoán Aizawa): Công ty mẹ.
- Công ty Chứng khoán Aizawa (được thành lập ngày 01 tháng 4 năm 2021): Cùng công ty mẹ.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tuyên bố về việc tuân chủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán ("VSDC")

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (Tiếp theo)

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc niên độ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định lá giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	05 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 06 năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của Chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo quyết định của Chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu

- ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***
  Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***
  Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***
  Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:***
  Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- ***Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***
  Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.

- ***Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:***
  Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.

- ***Thu nhập hoạt động khác:***
  Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	4.152.049.914	6.017.784.751
Các khoản tương đương tiền (i)	3.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	**7.152.049.914**	**16.017.784.751**

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM

Năm nay	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm nay
	VND	VND
a) Của công ty chứng khoán	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
b) Của nhà đầu tư	**115.383.446**	**3.097.375.813.140**
- Cổ phiếu	113.279.466	3.045.001.561.340
- Chứng chỉ quỹ	2.084.580	52.356.306.800
- Chứng khoán khác (Chứng quyền)	19.400	17.945.000
Cộng	**115.383.446**	**3.097.375.813.140**

Năm trước	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm trước
	VND	VND
a) Của công ty chứng khoán	**1.468.296**	**31.079.924.344**
- Chứng chỉ quỹ	1.468.296	31.079.924.344
Của nhà đầu tư	**147.770.364**	**5.160.581.605.680**
- Cổ phiếu	143.279.144	5.051.384.008.380
- Chứng chỉ quỹ	4.093.920	108.951.044.300
- Chứng khoán khác (Chứng quyền)	397.300	246.553.000
Cộng	**149.238.660**	**5.191.661.530.024**

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**150.000.000.000**	**265.000.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng (i)	150.000.000.000	265.000.000.000
b) Dài hạn	**155.000.000.000**	**30.000.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng (ii)	155.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	**305.000.000.000**	**295.000.000.000**

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, lãi nhận cuối kỳ.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, lãi nhận định kỳ hoặc cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay	**1.277.624.166**	**1.243.672.975**	**1.243.672.975**	**1.243.672.975**
Cho vay hoạt động Margin (i)	*1.243.672.975*	*1.243.672.975*	*1.243.672.975*	*1.243.672.975*
Cho vay hoạt động ứng trước	*33.951.191*	-	-	-

Ghi chú:

(i) Theo Thông báo số 001/2017/JSI-CBTT ngày 23 tháng 01 năm 2017, Công ty thực hiện ngừng cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ. Số dư cho vay hoạt động Margin tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phát sinh từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2017.

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Đơn vị: VND

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng đầu năm	Mức (trích lập)/ hoàn nhập trong năm
		Giá sổ sách kế toán	Giá trị thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng cuối năm		
I	Tài sản tài chính cho vay					
	Các khoản cho vay	1.277.624.166	33.951.191	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)	-
	Cho vay hoạt động Margin	1.243.672.975	-	(1.243.672.975)	(1.243.672.975)	-
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	33.951.191	33.951.191	-	-	-

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	**12.348.974.327**	**8.022.679.871**
Dự thu tiền lãi - Tiền gửi có kỳ hạn cố định	12.340.852.062	8.014.604.115
Dự thu tiền lãi hoạt động giao dịch ký quỹ	8.075.756	8.075.756
Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	46.509	-
Trả trước cho người bán	**402.303.000**	**97.440.000**
Công ty TNHH Công nghệ Skytek	357.303.000	55.440.000
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	45.000.000	42.000.000
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	**263.050.388**	**295.893.574**
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	77.573.470	107.736.973
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	168.300.000
Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	10.246.369	9.928.282
Phải thu phí dịch vụ khác	6.930.549	9.928.319
Các khoản phải thu khác	**557.777.697**	**806.377.951**
Công ty Chứng khoán Aizawa	507.226.222	746.658.964
Các khoản phải thu khác	50.551.475	59.718.987

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**2.696.220.877**	**1.534.761.401**
Thuê chỗ đặt máy chủ, tủ rack offline	744.150.000	730.840.000
Chi phí bảo trì	195.835.487	169.006.850
Chi phí thuê văn phòng	1.269.449.280	-
Chi phí trả trước khác	486.786.110	634.914.551
b) Dài hạn	**2.216.870.097**	**454.140.350**
Chi phí thi công nội thất văn phòng	2.017.520.238	88.229.167
Chi phí bảo trì	13.625.000	32.725.000
Chi phí trả trước khác	185.724.859	333.186.183
Cộng	**4.913.090.974**	**1.988.901.751**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	**7.134.182.532**	**1.667.939.900**	**3.887.278.172**	**12.689.400.604**
Mua trong năm	1.636.059.378	-	-	1.636.059.378
Giảm khác (i)	(934.670.132)	-	(1.632.372.096)	(2.567.042.228)
Số dư cuối năm	**7.835.571.778**	**1.667.939.900**	**2.254.906.076**	**11.758.417.754**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	**4.511.067.705**	**1.163.522.594**	**3.140.719.233**	**8.815.309.532**
Khấu hao trong năm	1.322.385.724	236.841.576	502.901.996	2.062.129.296
Giảm khác (i)	(600.081.675)	-	(1.632.372.096)	(2.232.453.771)
Số dư cuối năm	**5.233.371.754**	**1.400.364.170**	**2.011.249.133**	**8.644.985.057**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	**2.623.114.827**	**504.417.306**	**746.558.939**	**3.874.091.072**
Số dư cuối năm	**2.602.200.024**	**267.575.730**	**243.656.943**	**3.113.432.697**

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.777.664.171 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 331.855.125 VND và tài sản hết khấu hao chờ thanh lý là 1.152.136.052 VND).

Ghi chú:

(i) Trong năm, Công ty có thay đổi địa điểm trụ sở làm việc từ địa điểm thuê Unit 2,3,4,5 tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội sang địa điểm Tầng 7, tháp 1, tòa nhà Capital Place, tại số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội, do đó, có các tài sản thuộc hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điều hòa và hệ thống quản lý cửa ra vào tại địa điểm cũ được ghi giảm do không di dời được sang địa điểm mới, tổng giá trị giảm 1.414.906.176 VND. Ngoài ra giá trị ghi giảm bao gồm 1.152.136.052 VND là tài sản là các máy móc lưu trữ dữ liệu đã hết khấu hao chờ thanh lý năm 2022, trong năm 2023 được ghi giảm mang thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**8.140.142.220**	**8.140.142.220**
Mua trong năm	9.000.000	9.000.000
Số dư cuối năm	**8.149.142.220**	**8.149.142.220**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**6.120.986.843**	**6.120.986.843**
Khấu hao trong năm	893.481.641	893.481.641
Số dư cuối năm	**7.014.468.484**	**7.014.468.484**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**2.019.155.377**	**2.019.155.377**
Số dư cuối năm	**1.134.673.736**	**1.134.673.736**

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.553.329.170 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 2.739.892.220 VND).

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	998.148.875	998.148.875
Tiền lãi phân bổ	455.021.437	401.433.476
Cộng	**1.573.170.312**	**1.519.582.351**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế GTGT	43.247.603	74.385.957
Thuế TNDN	701.320.171	1.254.272.781
Thuế TNCN	317.412.387	513.828.406
Thuế nhà thầu	116.051.627	112.785.301
Cộng	**1.178.031.788**	**1.955.272.445**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ mua ngoài đã hoàn thành chưa có hoá đơn	399.492.460	392.801.189
Cộng	**399.492.460**	**392.801.189**

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền thu hộ chi hộ và chi phí qua thẻ tín dụng phải trả	133.972.070	118.473.621
Cộng	**133.972.070**	**118.473.621**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp	Các quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**300.000.000.000**	**325.801.831**	**344.013.296**	**15.725.039.079**	**316.394.854.206**
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	10.956.342.038	10.956.342.038
Số dư đầu năm nay	**300.000.000.000**	**325.801.831**	**344.013.296**	**26.681.381.117**	**327.351.196.244**
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	7.256.206.848	7.256.206.848
Số dư cuối năm nay	**300.000.000.000**	**325.801.831**	**344.013.296**	**33.937.587.965**	**334.607.403.092**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Tập đoàn Chứng khoán Aizawa	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%
Cộng	**300.000.000.000**	**100%**	**300.000.000.000**	**100%**

19. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSDC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	193.342.920.000	182.973.400.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	106.000.000	106.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	428.100.000	278.000.000
Cộng	**193.877.020.000**	**183.357.400.000**

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSDC VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	4.591.810.000	377.710.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	177.000.000	-
Cộng	**4.768.810.000**	**377.710.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số dư tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 310.500.000 VND và 6.951.400.000 VND.

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSDC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC	5.121.655.300	5.128.198.600
Cộng	**5.121.655.300**	**5.128.198.600**

23. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.752.320.832	4.778.207.275
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán	513.783.473	158.419.017
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	1.236.443	3.326.329
Cộng	**6.267.340.748**	**4.939.952.621**

24. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	5.829.280.572	4.835.769.950
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	122.758.293	90.161.896
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi thực hiện quyền mua cổ phiếu	314.065.440	10.694.446
Cộng	**6.266.104.305**	**4.936.626.292**

25. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	22.182.421.921	14.643.555.461
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	33.996.758	32.793.704
Cộng	**22.216.418.679**	**14.676.349.165**

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí môi giới chứng khoán	17.632.113.723	15.605.927.652
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	64.810.455	60.951.481
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	1.198.451.606	1.099.734.500
Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	345.146.588
Chi phí hoạt động tự doanh	-	48.494.267
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	97.842.300	-
Cộng	**18.993.218.084**	**17.160.254.488**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	96.261.018	84.875.171
Cộng	**96.261.018**	**84.875.171**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	4.782.604.235	4.176.116.372
Chi phí vật tư văn phòng	95.277.244	17.065.857
Chi phí khấu hao TSCĐ	567.483.627	693.858.536
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.493.931.658	1.868.511.331
Chi phí khác	674.083.100	510.886.358
Cộng	**8.616.379.864**	**7.269.438.454**

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	289.829.198	-
Chi phí khác	-	361
Cộng	**289.829.198**	**361**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	**9.157.527.019**	**15.173.323.712**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**349.073.838**	**98.040.191**
Trừ: Chi phí phải trả năm trước xuất hóa đơn năm nay	*(389.914.813)*	*(296.858.326)*
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước	*(1.989.390)*	-
Cộng: Chi phí không được trừ	*740.216.612*	*392.909.127*
Cộng: Lãi chênh lệch tỷ giá năm nay	*761.429*	*1.989.390*
Thu nhập chịu thuế	**9.506.600.857**	**15.271.363.903**
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**1.901.320.171**	**3.054.272.781**

Ngoài thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá không có sự khác biệt đáng kể với lợi nhuận kế toán (ngoài giá trị được điều chỉnh ở trên đối với thu nhập chịu thuế). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động trong năm bao gồm khoản thuê sau:

- Thuê văn phòng làm việc theo Hợp đồng số 15052018/HĐCTVP/TNL-JSI ngày 15 tháng 5 năm 2018 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL, địa điểm thuê Unit 2,3,4,5 tầng 14, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội, thời gian thuê từ ngày 15 tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 8 năm 2023.
- Thuê văn phòng làm việc theo Hợp đồng số CP/2022/07/T1/JSI ngày 04 tháng 11 năm 2022 với Công ty Cổ phần Twin-Peaks, địa điểm thuê phòng số CP1.07.01 - Tầng 7, tháp 1, tòa nhà Capital Place, tại số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, thời gian thuê 5 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm là 4.627.984.485 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm tới	4.694.142.204	1.722.830.104
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.062.385.660	-

32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động cho vay, đầu tư	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	11.228.581.982	22.312.679.697	2.274.457.130	61.635.945	1.191.296.035	37.068.650.789
Chi phí bộ phận trực tiếp	17.632.113.723	12.616.760	1.198.451.606	64.810.455	97.842.300	19.005.834.844
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	8.616.379.864
Kết quả hoạt động kinh doanh	**(6.403.531.741)**	**22.300.062.937**	**1.076.005.524**	**(3.174.510)**	**1.093.453.735**	**9.446.436.081**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Aizawa	**12.249.098.304**	**19.042.077.228**
Doanh thu môi giới chứng khoán	9.306.632.078	13.672.842.949
Doanh thu tư vấn	1.836.000.000	1.836.000.000
Doanh thu khác	1.106.466.226	1.373.600.151
Thưởng doanh số môi giới	-	2.159.634.128

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Chứng khoán Aizawa	**750.686.382**	**1.016.870.295**
Phải thu phí và thuế giao dịch chứng khoán	75.160.160	101.911.331
Phải thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	168.300.000	168.300.000
Phải thu khác	507.226.222	746.658.964
Phải trả ông Tsuyoshi Imai	50.563.781	47.983.755
Phải trả ông Tomonori Tsuchiya	40.492.100	38.476.275
Phải trả bà Nguyễn Thị Thu Trang	-	1.850.000

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	2.371.795.861	2.177.230.344
Cộng	**2.371.795.861**	**2.177.230.344**

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của Chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.152.049.914	16.017.784.751
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	334.607.403.092	327.351.196.244
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0%**	**0%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.152.049.914	16.017.784.751
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	305.000.000.000	295.000.000.000
Các khoản cho vay	1.277.624.166	1.243.672.975
Các khoản phải thu, phải thu khác	13.169.802.412	9.124.951.396
Các khoản ký quỹ	2.003.879.680	1.965.079.680
Tổng cộng	**328.603.356.172**	**323.351.488.802**
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả	250.895.225	305.293.761
Chi phí phải trả	399.492.460	392.801.189
Tổng cộng	**650.387.685**	**698.094.950**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà Chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.152.049.914	-	7.152.049.914
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	150.000.000.000	155.000.000.000	305.000.000.000
Các khoản cho vay	1.277.624.166	-	1.277.624.166
Các khoản phai thu, phải thu khác	13.169.802.412	-	13.169.802.412
Các khoản ký quỹ	844.834.880	1.159.044.800	2.003.879.680
Tổng cộng	**172.444.311.372**	**156.159.044.800**	**328.603.356.172**
Số cuối năm			
Các khoản phải trả	250.895.225	-	250.895.225
Chi phí phải trả	399.492.460	-	399.492.460
Tổng cộng	**650.387.685**	**-**	**650.387.685**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**171.793.923.687**	**156.159.044.800**	**327.952.968.487**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.017.784.751	-	16.017.784.751
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265.000.000.000	30.000.000.000	295.000.000.000
Các khoản cho vay	1.243.672.975	-	1.243.672.975
Các khoản phải thu, phải thu khác	9.124.951.396	-	9.124.951.396
Các khoản ký quỹ	806.034.880	1.159.044.800	1.965.079.680
Tổng cộng	**292.192.444.002**	**31.159.044.800**	**323.351.488.802**
Số đầu năm			
Các khoản phải trả	305.293.761	-	305.293.761
Chi phí phải trả	392.801.189	-	392.801.189
Tổng cộng	**698.094.950**	**-**	**698.094.950**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**291.494.349.052**	**31.159.044.800**	**322.653.393.852**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Đỗ Ngọc Phương Linh	**Khổng Thị Hương**	**Tsuyoshi Imai**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc**
		Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024